

ĐỒN NGỘ NHẬP ĐẠO YẾU MÔN

Dịch Thích Thanh Từ

LỜI NÓI ĐẦU

Trước đây chúng tôi đã cho ra tập Thiền Căn Bản, do các Thiền sư y trong kinh rút ra phương pháp tu thiền theo thứ lớp từ thấp lên cao. Đến tập này để tên là Thiền Đốn Ngộ, căn cứ vào các tác phẩm của các Thiền sư nằm trong hệ thống Thiền tông do Tổ Bồ-đề-đạt-ma truyền xuống. Tập sách này do gộp năm tác phẩm nhỏ chung lại.

Tác phẩm đầu là Thiền Tông Vĩnh Gia Tập của Thiền sư Huyền Giác, đệ tử Lục Tổ Huệ Năng. Ngài thông suốt tam tạng giáo điển, lại rành rẽ về phương pháp tu Chỉ Quán của Tông Thiên Thai. Do đó, trong tác phẩm này Ngài giải thích cách tu Chỉ Quán và Thiền rất tinh vi, độc giả có thể nhân đó vào cửa đốn ngộ. Thích Định Huệ, một Thiền sinh tại Thiền Viện Chân Không phiên dịch, chúng tôi xem lại và cho đứng vào phần đầu của tập sách.

Tác phẩm thứ hai là Đốn Ngộ Nhập Đạo Yêu Môn của Thiền sư Tuệ Hải, đệ tử Mã Tổ Đạo Nhất, cháu đời thứ ba của Lục Tổ Huệ Năng. Chúng tôi phiên dịch và đã xuất bản vào năm 1971, nhưng hiện đã hết, nay cho in vào đây cũng là một cách tái bản cho độc giả tiện việc nghiên cứu.

Tác phẩm thứ ba là Truyền Gia Bảo Thiền Tông Trực Chỉ của Thạch Thành Kim hiệu Thiên Cơ đời Minh, Ngài là môn đệ dòng Thiền Lâm Tế. Chúng tôi phiên dịch, chưa xuất bản.

Tác phẩm thứ tư là Tọa Thiền Dụng Tâm Ký của Thiền sư Thiệu Cẩn hiệu Oánh Sơn dòng Tào Động ở Nhật Bản. Chúng tôi phiên dịch và đã cho in chung trong quyển Tham Thiền Yêu Chỉ xuất bản vào năm 1962, hiện đã hết.

Tác phẩm thứ năm là Tham Thiền Yêu Chỉ của Hòa thượng Hư Vân, một Thiền sư Trung Hoa gần chúng ta nhất. Trong tác phẩm này, Ngài dạy nghiêng về thoại đầu theo lối tu sau này của dòng Lâm Tế. Chúng tôi phiên dịch và đã cho xuất bản năm 1962, hiện đã hết. Để gộp lại làm một tài liệu chung cho phương pháp tu đốn ngộ, chúng tôi cho in chung trong tập này.

Năm tác phẩm trên mới chỉ là một phần rất nhỏ trong các tác phẩm của Thiền tông. Nếu phiên dịch hết các tác phẩm về Thiền Đốn Ngộ có thể đến cả trăm quyển thế này. Vì phương tiện có hạn, chúng tôi cố gắng làm được bao nhiêu thì mừng bấy nhiêu. Điều cần yếu là độc giả khéo nghiên ngẫm để lãnh hội. Một câu mà lãnh hội được thì tất cả đều thông. Nếu đọc cả trăm quyển mà không lãnh hội được vẫn là người đứng ngoài cửa. Một thông tất cả đều thông thì còn nói gì nhiều gì ít? Thế nên quý ở chỗ lãnh hội, chớ không quý ở chỗ đọc nhiều. Tuy thế, người không lãnh hội được, mà đọc nhiều sách Thiền hoặc đọc nhiều lần, lâu ngày cơ duyên thuận thực tự nhiên lãnh hội.

Về phần lượng, quyển sách này chưa thấm vào đâu; song phần phẩm, nó thật đáng kể. Nếu là độc giả nghiên nát được văn tự, có thể con đường đốn ngộ không xa. Nếu là hành giả thì nương vào đây làm kim chỉ nam tiến bước, bảo sở không mong cũng sẽ đến.

THÍCH THANH TỪ

TU VIỆN CHÂN KHÔNG

Mùa An Cư 1974

THIÊN SƯ HUYỀN GIÁC



LỜI DỊCH GIẢ

Quyển Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn là một quyển luận nhỏ, nếu căn cứ phần lượng mà nói thì không thấm vào đâu đối với tam tạng giáo điển, nếu nhìn vào phẩm mà bàn là một viên ngọc quý vô giá của Thiền tông nói riêng, của Phật giáo Đại thừa nói chung. Vì thế, sau khi xem nó, Mã Tổ bảo chúng “Việt Châu có Đại Châu tròn sáng thấu suốt tự tại không ngại”. Đành rằng Mã Tổ nói Đại Châu là ngậm ý chỉ Thiền sư Tuệ Hải, song sự thâm ngộ của Thiền sư Tuệ Hải được bày hiện dưới mắt Mã Tổ qua quyển luận nhỏ này.

Tên Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn nghĩa là “Cửa trọng yếu chóng ngộ vào đạo”. Người tu hành muốn được mau ngộ tất nhiên phải bước vào cửa này, chớ không còn cửa nào khác. Bởi vì cửa này là cửa tiến thẳng vào thẳng không quanh co, không mượn nhiều phương tiện. Tiến thẳng vào thẳng cái gì ? – Tiến thẳng đến vô sanh, vào thẳng Phật tánh. Những pháp tu khác hầu hết đều chỉ dạy từ từ, từ thấp lên cao, từ cạn vào sâu. Duy pháp Đốn Ngộ này : “Ngay nơi sanh diệt nhận vô sanh, ngay nơi phàm phu thấy được Phật tánh”. Ta hãy nghe trong đây định nghĩa Thiền định : “Vọng niệm chẳng sanh là Thiền. Ngồi thấy bản tánh là Định”. Thiền không có nghĩa là ngồi, mà trong bốn oai nghi tâm đều thanh tịnh sáng suốt không có một vọng niệm dấy khởi. Định không có nghĩa chú tâm vào một cảnh, mà thấy được bản tánh của mình. Bản tánh tức là Phật tánh hay chân tâm. Bản tánh không sanh không diệt, nên tâm không chạy theo cảnh sanh diệt. Định ấy mới thật chân định.

Pháp tu Đốn Ngộ này thật đơn giản, mà rất siêu việt. Vì lời dạy rất bình dị nằm gọn trong một vài câu là đủ tu giải thoát. Như một câu trong đây : “Việc đến chẳng nhận, tất cả chỗ không tâm”. Mới đọc qua chúng ta thấy nó rất tầm thường, song nhận xét kỹ sẽ thấy nó hiện đầy đủ “Như Lai Thanh Tịnh Thiền” hay “Kim Cang Tam-muội”, “Pháp Hoa Tam-muội” v.v... Thật vậy, “Việc đến chẳng nhận” tức là tám gió thổi chẳng động. Bởi vì việc lợi, việc suy, việc hủy nhục, việc đề

cao, việc khen ngợi, việc chê bai, việc khổ, việc vui đến, tâm đều không chấp nhận. Do tâm không chấp nhận nên không động, mà luôn luôn an nhiên trước mọi cảnh. Thế không phải Đại định là cái gì ? “Tất cả chỗ không tâm”, tức là trong mọi trường hợp, mọi thời gian không khi nào phóng tâm chạy theo ngoại cảnh. Tâm không theo cảnh là tâm như như hay là Đại Bát-nhã. Thế là đầy đủ Như Lai Thiền rồi.

Bởi lời dạy cao siêu chắc thật này, nên Thiền sư Tuệ Hải dám đoan quyết với chúng ta rằng : “Các ông nếu y theo lời dạy đây tu, mà chẳng được giải thoát, tôi xin trọn đời thay các ông chịu tội trong Đại địa ngục”. Thiền sư đã khéo dùng lời vấn đáp để chỉ dạy cho chúng ta để trực nhận, mà lại còn dám cam đoan y đó tu hành sẽ được giải thoát, bằng không Ngài sẽ chịu tội địa ngục thế cho chúng ta. Thật còn gì đại bi bằng. Nếu chúng ta đủ duyên cầm trên tay quyển luận này mà không chịu y đó tu hành, thật là chúng ta đã cô phụ ơn Ngài !

Khi phiên dịch quyển luận này, chúng tôi mong quý độc giả cùng chúng tôi đồng nỗ lực tiến thẳng đường chim mà chư Phật chư Tổ nói chung, Thiền sư Tuệ Hải nói riêng, đã vạch và đã đi. Mong thay !

Kính ghi

Dịch giả : THÍCH THANH TỪ

TU VIỆN CHÂN KHÔNG

Cuối Xuân Tân Hợi (1971)



TIÊU SỬ: THIÊN SƯ TUỆ HẢI (ĐẠI CHÂU)

Sư họ Châu quê ở Kiến Châu, theo Hòa thượng Đạo Trí chùa Đại Vân ở Việt Châu xuất gia học đạo.

Sơ khởi, Sư đến tham vấn Mã Tổ (Thiên sư Đạo Nhất). Mã Tổ hỏi :

- Từ đâu đi đến ?

Sư thưa :

- Ở Việt Châu chùa Đại Vân đến.

- Đến đây tính cầu việc gì ?

- Đến cầu Phật pháp.

- Kho báu nhà mình chẳng đoái hoài, bỏ nhà chạy đi tìm cái gì ? Ta trong ấy không có một vật, cầu Phật pháp cái gì ?

Sư lễ bái thưa :

- Cái gì là kho báu nhà mình của Tuệ Hải ?

- Chính nay người hỏi ta là kho báu của người, đầy đủ tất cả không thiếu thốn, tự do sử dụng, đâu nhờ tìm cầu bên ngoài.

Ngay câu nói này, Sư tự nhận bản tâm không do hiểu biết, vui mừng lễ tạ.

Sư ở lại đây hầu Mã Tổ sáu năm.

Sau vì bôn sư tuổi già, Sư phải về phụng dưỡng. Từ đây, Sư tàng ẩn chỗ thâm ngộ của mình, hiện bề ngoài như kẻ tầm thường. Sư thâm soạn quyển Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn này, bị Huyền Ấn là cháu trong Pháp môn lên lấy đem trình Mã Tổ.

Mã Tổ xem xong, bảo đại chúng :

- Việt Châu có Đại Châu (hạt châu lớn) tròn sáng thấu suốt, tự tại không ngại.

Khi ấy, ở trong chúng có người biết Sư họ Châu bèn rủ nhau lần lượt tìm đến thưa hỏi và nương tựa. Từ đó, người ta gọi Sư là Hòa thượng Đại Châu.

Sư từng từ chối không chịu chỉ dạy, nhưng chúng cứ khư khư theo hầu, bắt
đắc dĩ Sư phải dùng biện tài vô ngại để giáo hóa.



ĐỐN NGỘ NHẬP ĐẠO YẾU MÔN

Cúi đầu đánh lễ chư Phật khắp mười phương, các chúng Bồ-tát lớn. Nay con soạn luận này, sợ e không hợp tâm Phật, xin cho con sám hối; nếu hợp tâm Phật, trọn đem bố thí tất cả hữu tình, nguyện đời sau đều được thành Phật.

*

Hỏi : Phải tu pháp gì chóng được giải thoát ?

Đáp : Chỉ có một môn đốn ngộ là chóng được giải thoát.

- Thế nào là đốn ngộ ?

- Đốn là chóng trừ vọng niệm. Ngộ là ngộ không chỗ được.

- Từ cái gì mà tu ?

- Từ căn bản mà tu.

- Thế nào từ căn bản mà tu ?

- Tâm là căn bản.

- Làm sao biết tâm là căn bản ?

- Kinh Lăng-già nói : “Tâm sanh thì các thứ pháp sanh, tâm diệt thì các thứ pháp diệt”. Kinh Duy-ma nói : “Muốn được tịnh độ, phải tịnh tâm ấy, tùy tâm ấy tịnh là Phật độ tịnh”. Kinh Di Giáo nói : “Chỉ kèm tâm một chỗ không việc gì chẳng xong”. Kinh nói : “Thánh nhân cầu tâm chẳng cầu Phật, ngu nhân cầu Phật chẳng cầu tâm, trí nhân điều tâm chẳng điều thân, ngu nhân điều thân chẳng điều tâm”. Kinh Phật Danh nói : “Tội từ tâm sanh lại từ tâm diệt”. Thế nên biết, tất cả thiện ác đều do tâm mình, do đó nói tâm là căn bản.

Nếu người cầu giải thoát trước phải biết căn bản. Nếu chẳng đạt được lý này, luống uổng nhọc công, từ nơi tướng bên ngoài mà cầu, thật không thể được. Kinh Thiền Môn nói : “Từ nơi tướng bên ngoài mà cầu, dù trải qua nhiều kiếp trọn không thể thành. Từ giác quán (xét soi) bên trong mà tu, bằng khoảng một niệm liền chứng Bồ-đề”.

- Tu căn bản phải lấy pháp gì để tu ?

- Chỉ tọa thiền, thiền định liền được. Kinh Thiền Môn nói : “Cầu trí Thánh của Phật, cốt phải thiền định. Nếu không thiền định, thì niệm tưởng xao động, phá hoại căn lành kia”.

- Thế nào là thiền ? Sao là định ?

- Vọng niệm chằng sanh là thiền. Ngồi thấy bản tánh là định. Bản tánh là tâm vô sanh của ông vậy. Định là đối cảnh tâm không sanh, tám gió thổi chằng động. Tám gió là: lợi (tài lợi), suy (suy hao), hủy (hủy nhục), dự (đề cao), xưng (khen ngợi), cơ (chê bai), khổ (đau khổ), lạc (vui vẻ). Nếu người được định như thế, tuy là phàm phu mà liền vào vị Phật. Vì sao ? Vì kinh Bồ-tát Giới nói : “Chúng sanh thọ Phật giới, liền vào ngôi vị chư Phật”. Người được như thế gọi là giải thoát, cũng gọi đến bờ kia, hơn lục độ, vượt khỏi tam giới, là Bồ-tát đại lực, là bậc Tôn vô lượng lực, là đại trượng phu.

*

- Tâm trụ chỗ nào là trụ ?

- Tâm trụ chỗ không trụ là trụ.

- Thế nào là chỗ không trụ ?

- Chằng trụ tất cả chỗ, ấy là trụ chỗ không trụ.

- Thế nào là chằng trụ tất cả chỗ ?

- Chằng trụ tất cả chỗ là : Chằng trụ nơi lành dữ, có không, trong ngoài, chằng giữa, chằng trụ không, cũng chằng trụ chằng không, chằng trụ định, cũng chằng trụ chằng định, tức là chằng trụ tất cả chỗ. Chỉ cái chằng trụ tất cả chỗ, ấy là chỗ trụ. Người được như thế, gọi là tâm không trụ. Tâm không trụ là tâm Phật.

- Tâm ấy giống vật gì ?

- Tâm ấy chằng phải xanh vàng đỏ trắng, chằng phải dài ngắn tới lui, chằng như chằng sạch, chằng sanh chằng diệt, yên tịnh thường lặng lẽ. Đó là hình tướng của bản tâm, cũng là bản thân. Bản thân là thân Phật.

*

- Thân tâm này lấy cái gì để thấy ? Lấy mắt thấy, lấy tai, mũi và thân tâm v.v... để thấy chăng ?

- Cái thấy này không phải như các thứ thấy đó.

- Đã không như các thứ thấy đó, là lấy cái gì thấy ?

- Là tự tánh thấy. Vì sao ? Vì tự tánh (tánh của mình) xưa nay trong sạch yên tịnh không lạng, chính trong cái thể không lạng ấy hay sanh cái thấy này.

- Chỉ như thể thanh tịnh còn không thể có, thì cái thấy này từ đâu mà có ?

- Ví như trong gương sáng tuy không có hình tượng, mà có thể thấy tất cả hình tượng. Vì sao ? Vì gương sáng không tâm. Người học đạo nếu tâm không có chỗ nhiễm, vọng tâm chẳng sanh, tâm ngã sở (tâm chấp mình và sự vật của mình) diệt, tự nhiên được thanh tịnh, vì thanh tịnh nên hay sanh cái thấy này.

Kinh Pháp Cú nói : “Trong cứu cánh không, rõ ràng dựng lập, ấy là thiện tri thức”.

*

- Kinh Niết-bàn trong phẩm Kim Cang Thân nói : “Không thể thấy mà thấy rõ ràng, không có biết mà không chẳng biết” là thế nào ?

- Không thể thấy, vì cái thể của tự tánh không hình tượng, không thể có, nên nói : “Không thể thấy”. Song cái thấy không thể được đó, thể nó yên tịnh lặng lẽ, không có tới lui, chẳng lìa dòng đời, mà dòng đời không lôi cuốn được nó, thân nhiên tự tại, tức là thấy rõ ràng.

Không có biết, vì tự tánh không hình, vốn không phân biệt, nên nói “không có biết”. Không chẳng biết, vì trong cái thể không phân biệt ấy đầy đủ hằng sa diệu dụng. Hay phân biệt tất cả, thì không việc gì chẳng biết, nên nói “không chẳng biết”. Kệ Bát-nhã nói : “Bát-nhã không biết, không việc gì chẳng biết; Bát-nhã không thấy, không chỗ nào chẳng thấy”.

- Kinh nói : “Chẳng thấy có không là chân giải thoát”. Thế nào là chẳng thấy có không ?

- Khi chứng được tâm thanh tịnh gọi là có, trong đó chẳng sanh cái tướng được tâm thanh tịnh, gọi là chẳng thấy có. Được cái tướng không sanh không trụ,

mà không khởi tướng được không sanh không trụ, gọi là chẳng thấy không, nên nói chẳng thấy có không. Kinh Lăng Nghiêm nói : “Biết thấy lập biết là gốc vô minh, biết thấy không thấy, đây là Niết-bàn”. Cũng gọi là giải thoát.

*

- Thế nào là không có chỗ thấy ?

- Nếu thấy kẻ nam người nữ và tất cả màu sắc hình tượng, mà ở trong đó không khởi tâm yêu ghét thì cùng không thấy chẳng khác, ấy là không có chỗ thấy.

- Khi đối tất cả màu sắc hình tượng thì gọi là thấy, khi chẳng đối màu sắc hình tượng cũng gọi là thấy chẳng ?

- Gọi thấy !

- Khi đối vật là có thấy, khi không đối vật làm sao có thấy ?

- Nay nói thấy, không luận đối vật cùng chẳng đối vật. Vì sao ? Vì tánh thấy thường hằng, khi có vật thì thấy vật, khi không vật thì thấy không. Thế nên biết, vật tự có đi lại, tánh thấy không có đi lại, các căn (tai, mũi, lưỡi, thân...) cũng như vậy.

- Ngay khi thấy vật, trong cái thấy có vật chẳng ?

- Trong cái thấy chẳng lập vật.

- Ngay khi thấy không vật, trong cái thấy có không vật chẳng ?

- Trong cái thấy chẳng lập không vật.

*

- Khi có tiếng là có nghe, khi không tiếng lại được nghe chẳng ?

- Cũng nghe.

- Khi có tiếng là từ tiếng có nghe, khi không tiếng làm sao được nghe ?

- Nay nói nghe chẳng luận có tiếng không tiếng. Vì sao ? Vì tánh nghe thường hằng. Khi có tiếng liền nghe, khi không tiếng cũng nghe.

- Người nghe như thế là ai ?

- Là tánh nghe của mình, cũng gọi là người biết nghe.

*

- Môn đôn ngộ này lấy gì làm Tông (chủ) ? Lấy gì làm Chỉ (chỉ thú) ? Lấy gì làm Thể ? Lấy gì làm Dụng ?

- Lấy vô niệm (tâm không dấy khởi) làm Tông. Vọng tâm chẳng khởi làm Chỉ. Lấy thanh tịnh làm Thể. Lấy trí làm Dụng.

- Đã nói vô niệm làm Tông, chưa biết vô niệm là vô niệm nào ?

- Vô niệm là không tà niệm, chớ chẳng phải không chánh niệm.

- Thế nào là tà niệm ? Thế nào là chánh niệm ?

- Niệm có, niệm không là niệm tà, chẳng niệm có không là niệm chánh; niệm thiện, niệm ác là niệm tà, chẳng niệm thiện ác là niệm chánh; cho đến niệm khổ vui, sanh diệt, thù xả, oán thân, yêu ghét thảy đều là niệm tà, chẳng niệm khổ vui... là niệm chánh.

- Thế nào là chánh niệm ?

- Chánh niệm là chỉ niệm Bồ-đề .

- Bồ-đề có thể được chẳng ?

- Bồ-đề không thể được.

- Đã không thể được làm sao chỉ niệm Bồ-đề ?

- Bồ-đề chỉ là danh tự giả lập, thật không thể được. Cũng không có trước sau được. Vì không thể được nên không có niệm. Chỉ cái không niệm ấy gọi là chân niệm. Bồ-đề không có chỗ niệm. Không có chỗ niệm tức là tất cả chỗ không tâm, ấy là không có chỗ niệm.

Những lối giải vô niệm như trên, đều là tùy sự phương tiện giả lập danh tự, vẫn đồng một thể, không hai không khác. Cốt biết tất cả chỗ không tâm tức là “vô niệm”. Khi được vô niệm thì tự nhiên giải thoát.

*

- Thế nào là hành hạnh Phật ?

- Chẳng hành tất cả hạnh là hành hạnh Phật, cũng gọi là hạnh chánh, cũng gọi là hạnh Thánh. Như trước đã nói, chẳng hành có không, yêu ghét v.v... ấy vậy. Đại luật quyền năm phẩm Bồ-tát nói : “Tất cả Thánh nhân chẳng hành hạnh chúng sanh, chẳng hành hạnh chúng sanh là hạnh Thánh”.

*

- Thế nào là chánh kiến ?

- Thấy mà không có chỗ thấy là chánh kiến.

- Thế nào thấy mà không có chỗ thấy ?

- Khi thấy tất cả sắc không khởi nhiễm trước. Không nhiễm trước thì không khởi tâm yêu ghét, ấy là thấy mà không có chỗ thấy. Nếu khi được thấy mà không có chỗ thấy gọi là con mắt Phật, trọn không có con mắt khác. Nếu khi thấy tất cả sắc khởi yêu ghét, ấy là có chỗ thấy. Có chỗ thấy là con mắt chúng sanh, trọn không có con mắt khác làm con mắt chúng sanh, cho đến các căn cũng lại như thế.

*

- Nói lấy Trí làm Dụng, thế nào là Trí ?

- Biết hai tánh không tức là giải thoát. Biết hai tánh chẳng không, thì không được giải thoát. Ấy gọi là Trí, cũng gọi là rõ tà chánh, cũng gọi hiệu Thế Dụng. Hai tánh không là Thế, biết hai tánh không là giải thoát. Lại không sanh nghi gọi là Dụng. Nói hai tánh không là chẳng sanh tâm có không, lành dữ, yêu ghét vậy.

*

- Môn này từ đâu mà vào ?

- Từ bố thí ba-la-mật mà vào.

- Phật nói sáu pháp ba-la-mật (đền bờ kia hay được cứu cánh) là hạnh của Bồ-tát, tại sao ở đây chỉ nói riêng bố thí ba-la-mật thì đâu thế đầy đủ mà được vào ?

- Người mê không biết năm độ kia (trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ) đều nhân bố thí mà sanh. Chỉ tu bố thí thì sáu pháp đều đầy đủ.

- Bố thí vật gì ?

- Bố thí là bỏ hai tánh.

- Thế nào là hai tánh ?

- Bố thí là bỏ tánh thiện ác, bố thí là bỏ tánh có không, tánh yêu ghét, tánh không chẳng không, tánh định chẳng định, tánh tịnh bất tịnh, tất cả đều cho bỏ hết thì được hai tánh không. Nếu khi được hai tánh không, cũng chẳng được khởi tưởng hai tánh không, cũng chẳng được khởi nghĩ tưởng có bố thí, tức là chân thật

hành bồ thí ba-la-mật, cũng gọi là muôn duyên đều bạt. Muôn duyên đều bạt, tức là tất cả pháp tánh không ấy vậy. Pháp tánh không là tất cả chỗ không tâm. Nếu khi được tất cả chỗ không tâm là không có một tướng có thể được. Vì sao ? Vì tự tánh không, nên không một tướng có thể được. Không một tướng có thể được là tướng thật. Tướng thật là tướng Như Lai diệu sắc thân. Kinh Kim Cang nói : “Lìa tất cả các tướng gọi là chư Phật”.

- Phật nói sáu ba-la-mật, tại sao nay chỉ nói một, cho là đầy đủ, xin nói nguyên nhân một gồm đủ sáu pháp ?

- Kinh Tư Ích nói : “Ngài Võng Minh gọi Phạm thiên nói : Nếu Bồ-tát bỏ tất cả phiền não gọi là Bồ thí ba-la-mật. Nơi các pháp không có chỗ dính mắc gọi là Trì giới ba-la-mật. Nơi các pháp không có chỗ xâm phạm gọi là Nhẫn nhục ba-la-mật. Nơi các pháp lìa tướng gọi là Tinh tấn ba-la-mật. Nơi các pháp không có chỗ trụ gọi là Thiên định ba-la-mật. Nơi các pháp không hý luận (nói trò đùa vô nghĩa) là Trí tuệ ba-la-mật”. Đó gọi là sáu pháp. Nay nói sáu pháp này chẳng khác, vì tóm lược pháp thứ nhất là bỏ, thứ hai là không khởi, thứ ba là không niệm, thứ tư là lìa tướng, thứ năm là không trụ, thứ sáu là không hý luận. Sáu pháp như thế, tùy việc phương tiện tạm đặt tên, chớ đến chỗ diệu lý thì không hai không khác. Chỉ biết một bỏ thì tất cả đều bỏ, không khởi thì tất cả đều không khởi. Trên đường mê lầm không khế hội ắt cho có sai khác. Người ngu mắc kẹt trong pháp số, nên trôi lăn mãi trong sanh tử. Bảo cho các người học đạo, chỉ tu pháp Bồ thí là tròn đầy muôn pháp, huống là năm pháp mà chẳng đủ sao ?

*

- Tam học đẳng dụng, cái gì là tam học ? Thế nào là đẳng dụng ?

- Tam học là giới định tuệ.

- Nghĩa giới định tuệ thế nào ?

- Thanh tịnh không nhiễm là Giới. Biết tâm chẳng động, đối cảnh vắng lặng là Định. Khi biết tâm chẳng động mà chẳng sanh tướng chẳng động, khi biết tâm thanh tịnh mà chẳng sanh tướng thanh tịnh, cho đến thiện ác đều hay phân biệt, mà ở trong ấy không nhiễm, được tự tại, ấy gọi là Tuệ.

Nếu khi biết thể của giới định tuệ đều không thể được, thì không phân biệt, là đồng một thể, ấy gọi là tam học đẳng dụng.

*

- Nếu khi tâm trụ tịnh, chẳng phải chấp tịnh sao ?
- Khi được trụ tịnh, mà chẳng khởi tướng trụ tịnh, ấy là không chấp tịnh.
- Tâm khi trụ không, chẳng phải chấp không chẳng ?
- Nếu khởi tướng không, gọi là chấp không.
- Nếu khi tâm được trụ chỗ không trụ, chẳng phải chấp chỗ không chỗ trụ sao ?

- Chỉ cái khởi tướng không là không có chỗ chấp. Nếu ông muốn thấu rõ, hiểu được tâm không có chỗ trụ, thì khi ngồi ngay thẳng chỉ biết tâm, chớ suy nghĩ tất cả vật, tất cả thiện ác đều chớ suy nghĩ, vì việc quá khứ đã đi rồi, chớ suy nghĩ, thì tâm quá khứ tự bật, gọi là không việc quá khứ. Việc vị lai chưa đến, chớ mong chớ cầu, thì tâm vị lai tự bật, gọi là không việc vị lai. Việc hiện tại đã hiện tại, đối tất cả việc chỉ biết không chấp, không chấp là chẳng khởi tâm yêu ghét, thì tâm hiện tại bật, gọi là không việc hiện tại. Không nhiếp thuộc ba thời, cũng gọi không ba thời. Nếu khi tâm khởi đi thì chớ theo đi, tâm đi tự bật. Nếu khi tâm khởi đứng cũng chớ theo đứng, tâm đứng tự bật. Ấy là tâm không trụ, là trụ chỗ không trụ vậy. Nếu tự biết rõ ràng khi trụ nơi trụ, chỉ có vật trụ cũng không có chỗ trụ, cũng chẳng không chỗ trụ.

Nếu tự biết rõ ràng tâm chẳng trụ tất cả chỗ, gọi là rõ ràng thấy được bản tâm, cũng gọi là rõ ràng thấy tánh vậy. Chỉ cái tâm chẳng trụ tất cả chỗ ấy, tức là tâm Phật, cũng gọi là tâm giải thoát, tâm Bồ-đề, tâm vô sanh, sắc tánh không. Kinh nói : “chứng vô sanh pháp nhãn” đó vậy.

Nếu ông khi chưa được như thế, phải cố gắng ! Cố gắng ! Cần dụng công thêm, khi công thành thì tự hội. Nói hội, là tất cả chỗ không tâm, ấy là hội. Nói không tâm là không cái tâm giả chớ chẳng phải không tâm chân. Tâm giả là tâm yêu ghét. Tâm chân thật là tâm không yêu ghét. Chỉ không tâm yêu ghét thì hai tánh không. Hai tánh không thì tự nhiên giải thoát.

*

- Chỉ lúc ngồi thiền dụng công, khi đi có được dụng công chăng ?

- Nay nói dụng công, chẳng riêng khi ngồi, cho đến đi đứng ngồi nằm, làm công việc, trong tất cả thời đều thường dụng công không gián đoạn ấy gọi là thường trụ.

*

- Kinh Phương Quảng nói năm thứ pháp thân :

Thật tướng pháp thân

Công đức pháp thân

Pháp tánh pháp thân

Ứng hóa pháp thân

Hư không pháp thân.

Ngay nơi thân mình là thân nào ?

- Biết tâm chẳng hoại là Thật tướng pháp thân. Biết tâm bao gồm vạn tượng là Công đức pháp thân. Biết tâm không tâm là Pháp tánh pháp thân. Tùy căn cơ ứng nói là Ứng hóa pháp thân. Biết tâm không hình không thể được là Hư không pháp thân. Nếu người thấu rõ nghĩa này là biết không chứng. Người không đắc không chứng là chứng Phật pháp thân. Nếu có chứng có đắc, cho là chứng được ấy là người tà kiến tăng thượng mạn, gọi là ngoại đạo. Vì có sao ? Kinh Duy-ma nói : “Xá-lợi-phất hỏi Thiên nữ : Người đã được pháp gì, chứng được pháp gì, mà biện được như thế ? Thiên nữ đáp : Tôi không được không chứng, mới được như thế; nếu có được có chứng thì ở trong Phật pháp là người tăng thượng mạn”.

*

- Kinh nói Đẳng giác, Diệu giác, thế nào là Đẳng giác ? Thế nào là Diệu giác ?

- Tức sắc tức không (“Tức sắc tức không”: là thấy sắc mà không tâm; hoặc thấy tánh sắc tức là không.) gọi là Đẳng giác. Vì hai tánh không, gọi là Diệu giác. Lại nữa không giác, không không giác, gọi là Diệu giác.

- Đẳng giác cùng Diệu giác là khác hay chẳng khác?

- Vì tùy sự phương tiện giả lập hai tên, chứ bản thể là một không hai không khác, cho đến tất cả pháp đều như vậy cả.

*

- Kinh Kim Cang nói : “Không pháp có thể thuyết, ấy gọi là thuyết pháp”, nghĩa đó thế nào ?

- Thể của Bát-nhã cứu cánh thanh tịnh, không có một vật có thể được, ấy gọi là “không pháp có thể thuyết”. Ngay trong thể không tịch của Bát-nhã, đầy đủ diệu dụng như hăng sa, tức là không việc gì chẳng biết, “ấy gọi là thuyết pháp”. Cho nên nói “không pháp có thể thuyết, ấy gọi là thuyết pháp”.

- Kinh nói : “Có người thiện nam thiện nữ thọ trì đọc tụng kinh này, nếu bị người khinh chê, là người ấy tội nghiệp đời trước lỡ phải sa vào đường ác, do đời nay bị người khinh chê nên tội nghiệp đời trước liền được tiêu diệt, sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”, nghĩa đó thế nào ?

- Như có người chưa gặp đại thiện tri thức chỉ tạo nghiệp ác, bản tâm thanh tịnh bị ba độc vô minh che lấp không thể lộ bày, cho nên nói lỡ phải sa vào đường ác. Do đời nay bị người khinh chê, tức là hôm nay phát tâm cầu Phật đạo, khiến vô minh diệt hết, ba độc chẳng sanh, thì bản tâm sáng suốt, lại không loạn niệm, các ác hăng dứt sạch nên đời này bị người khinh chê. Vô minh diệt hết, loạn niệm chẳng sanh, thì tự nhiên giải thoát, nên nói sẽ được Bồ-đề. Chính khi phát tâm gọi là đời này, chẳng phải cách đời.

- Kinh lại nói : “Như Lai có ngũ nhãn” thế là sao ?

- Thấy sắc thanh tịnh gọi là Nhục nhãn. Thấy thể thanh tịnh gọi là Thiên nhãn. Đối các cảnh sắc cho đến thiện ác đều hay phân biệt vi tế, không có nhiễm trước, ở trong ấy được tự tại, gọi là Tuệ nhãn. Thấy không có chỗ thấy gọi là Pháp nhãn. Không thấy không không thấy gọi là Phật nhãn.

- Lại, kinh nói Đại thừa Tối thượng thừa, nghĩa ấy thế nào ?

- Đại thừa là Bồ-tát thừa, Tối thượng thừa là Phật thừa.

- Tu thế nào để được thừa này ?

- Người tu Bồ-tát thừa tức là Đại thừa. Chúng Bồ-tát thừa rồi, lại không khởi quán, đến chỗ không tu, yên tịnh thường lặng lẽ, chẳng thêm chẳng bớt, gọi là Tối thượng thừa, tức là Phật thừa.

*

- Kinh Niết-bàn nói : “Định nhiều tuệ ít chẳng là vô minh, định ít tuệ nhiều thêm lớn tà kiến, định tuệ đồng nhau gọi là giải thoát”. Nghĩa đó thế nào ?

- Đối tất cả thiện ác đều phân biệt là tuệ; đối với cái bị phân biệt chẳng khởi yêu ghét, chẳng nhiễm trước nó là định, đây là định tuệ đồng dùng vậy.

- Không bàn không nói gọi là định, chính khi bàn nói được gọi là định chẳng ?

- Nay nói định, chẳng luận nói cùng chẳng nói, vẫn thường định. Vì sao ? Vì khi dùng tánh định nói năng phân biệt thì nói năng phân biệt cũng là định. Nếu khi dùng tâm Không để quán sắc, thì lúc quán sắc cũng không. Nếu khi chẳng quán sắc, chẳng nói chẳng phân biệt cũng không. Cho đến thấy nghe hiểu biết cũng như thế. Vì có sao ? Vì tự tánh không thì đối tất cả chỗ đều không. Không thì không chấp, không chấp là đồng dùng. Bởi Bồ-tát thường dùng pháp đẳng không (cả thấy đều không) như thế nên được đến cứu cánh. Cho nên nói “định tuệ đồng nhau gọi là giải thoát”.

Tôi lại vì ông nói thí dụ để hiển bày, khiến ông tỉnh tỉnh, được hiểu dứt nghi. Ví như gương sáng khi chiếu soi hình tượng, ánh sáng của gương có động chẳng ? – Chẳng động. Lúc chẳng chiếu cũng động chẳng ? – Chẳng động. Tại sao ? - Vì gương sáng dùng ánh sáng vô tình chiếu, nên khi chiếu chẳng động, khi chẳng chiếu cũng chẳng động. Vì sao ? Bởi trong vô tình không có động, cũng không có chẳng động.

Lại như ánh sáng mặt trời khi chiếu thế gian, ánh sáng có động chẳng ? – Chẳng động. Nếu khi chẳng chiếu có động chẳng ? – Chẳng động. Vì sao ? - Vì ánh sáng kia vô tình, dùng ánh sáng vô tình chiếu soi, cho nên chẳng động, chẳng chiếu cũng chẳng động. Chiếu đó là tuệ, chẳng động là định.

Nếu Bồ-tát dùng pháp định tuệ đồng ấy thì được Vô thượng giác. Cho nên nói “định tuệ đẳng dụng tức là giải thoát”. Nói vô tình là không phàm tình, chẳng phải không Thánh tình.

- Thế nào là phàm tình ? Thế nào là Thánh tình ?

- Nếu khởi hai tánh (có không, yêu ghét) tức là phàm tình. Hai tánh không tức là Thánh tình.

*

- Kinh nói : “Bặt đường nói năng, dứt chỗ tâm nghĩ (ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt). Nghĩa đó thế nào ?

- Dùng lời nói để hiển bày nghĩa, được nghĩa phải bặt lời. Nghĩa tức là không, không tức là đạo, đạo thì bặt lời, nên nói “bặt đường nói năng”. Dứt chỗ tâm nghĩ là được nghĩa thực tế (thực tại) thì chẳng khởi quán, vì chẳng khởi quán nên vô sanh, vì vô sanh nên tất cả tánh sắc đều không, vì tánh sắc không nên muôn duyên đều dứt, muôn duyên đều dứt, ấy là “dứt chỗ tâm nghĩ”.

*

- Như như là thế nào ?

- Như như là nghĩa chẳng động. Tâm chân như nên gọi là như như. Thế nên biết chư Phật quá khứ hành hạnh này được thành đạo; Phật hiện tại hành hạnh này cũng được thành đạo; Phật vị lai hành hạnh này cũng được thành đạo. Ba đời chư Phật chỗ tu và chứng đạo không khác, nên nói như như. Kinh Duy-ma nói : “Chư Phật cũng như, Di Lặc cũng như, cho đến tất cả chúng sanh thay đều như”. Vì sao?

- Vì Phật tánh chẳng dứt, bởi có tánh vậy.

*

- Tức sắc tức không, tức phàm tức thánh, phải đốn ngộ chăng ?

- Phải.

- Thế nào là tức sắc tức không, tức phàm tức thánh ?

- Tâm có nhiễm tức sắc, tâm không nhiễm tức không, tâm có nhiễm tức phàm, tâm không nhiễm tức Thánh. Lại, chân không mà diệu hữu là tức sắc, sắc

không có thật là tức không. Nay nói không là tánh sắc tự không, chẳng phải sắc diệt mới không. Nói sắc là tánh không tự có sắc, không phải sắc hay làm sắc.

*

- Kinh nói : Pháp môn tận (hết) vô tận (không hết) là thế nào ?

- Vì hai tánh Không nên thấy nghe không sanh là tận (hết). Tận là các lậu (nguyên nhân sanh tử) hết. Vô tận là ở trong thể vô sanh đầy đủ hằng sa diệu dụng, tùy việc ứng hiện thấy đều đầy đủ, mà trong bản thể cũng không tổn giảm gọi là vô tận. Ấy là pháp môn tận vô tận vậy.

- Tận cùng vô tận, là một hay khác ?

- Thể là một, nói thì có khác.

- Thể là một tại sao nói có khác ?

- Một là thể của nói, nói là dụng của thể. Vì tùy sự ứng dụng, nên nói thể đồng mà nói thì khác. Ví như trên trời có một mặt nhật, dưới đất để các thứ chậu chứa nước đầy, trong mỗi chậu đều thấy có mặt nhật. Các mặt nhật trong chậu thấy đều tròn đầy cùng mặt nhật trên trời không sai biệt, nên nói thể đồng. Vì tùy chậu đặt tên nên có sai biệt, do đó có khác. Cho nên bảo thể đồng, nói thì có khác. Các mặt nhật hiện trong chậu đều tròn đầy, so với mặt nhật chánh trên trời không có thua kém, nên nói “vô tận”.

- Kinh nói : “Chẳng sanh chẳng diệt”, pháp gì chẳng sanh ? Pháp gì chẳng diệt ?

- Pháp ác chẳng sanh, pháp thiện chẳng diệt.

- Thế nào là ác ? Thế nào là thiện ?

- Tâm nhiễm lậu (ô nhiễm và trầm luân) là ác. Tâm không nhiễm lậu là thiện. Chỉ không nhiễm không lậu thì pháp ác chẳng sanh. Khi được không nhiễm không lậu thì thanh tịnh tròn sáng, lóng yên thường lặng, cứu cánh không dòi dôi, ấy gọi là pháp thiện chẳng diệt. Đây tức là chẳng sanh chẳng diệt vậy.

*

- Trong Bồ-tát Giới nói : “Chúng sanh thọ Phật giới liền vào vị chư Phật, vị đồng bậc Đại giác rồi, mới thật là con Phật”, nghĩa này thế nào ?

- Phật Giới là tâm thanh tịnh đó vậy. Nếu có người phát tâm tu hành hạnh thanh tịnh, được tâm không có chỗ thọ, gọi là thọ Phật giới. Chư Phật đời quá khứ đều tu hạnh không thọ thanh tịnh, được thành Phật đạo. Thời nay có người phát tâm tu hạnh không thọ thanh tịnh thì cùng chư Phật đồng công đức đẳng dụng không khác, cho nên nói “vào vị chư Phật”. Như thế, được giác ngộ cùng Phật giác ngộ đồng. Cho nên nói “vị đồng bậc Đại giác rồi, mới thật là con Phật”. Từ tâm thanh tịnh sanh trí, trí thanh tịnh gọi là con chư Phật, cũng gọi là thật con Phật.

*

- Nói Phật với Pháp, là Phật có trước hay Pháp có trước ? Nếu Pháp có trước thì Pháp ấy do Phật nào nói? Nếu Phật có trước thì nương giáo pháp nào được thành đạo?

- Phật cũng có trước Pháp, cũng có sau Pháp.

- Nhân đâu nói Phật, Pháp có trước sau ?

- Nếu căn cứ Pháp tịch diệt mà nói thì Pháp trước Phật sau. Nếu căn cứ Pháp vẫn tự mà nói thì Phật trước Pháp sau. Vì có sao ? - Vì tất cả chư Phật đều nhân nơi Pháp tịch diệt mà được thành Phật, tức là Pháp trước Phật sau.

Kinh nói : “Làm thầy chư Phật, ấy là Pháp vậy”. Sau khi thành đạo rồi, Phật mới nói rộng mười hai bộ kinh dẫn dắt giáo hóa chúng sanh, chúng sanh nương nơi pháp Phật giáo hóa tu hành được thành Phật, ấy là Phật trước Pháp sau.

*

- Thế nào là thuyết thông tông chẳng thông ?

- Nói và làm trái nhau, tức là thuyết thông tông chẳng thông.

- Thế nào là tông thông thuyết cũng thông ?

- Nói và làm không sai biệt, tức là thuyết thông tông cũng thông.

- Kinh nói : “Pháp đến chẳng đến, chẳng đến đến” là thế nào ?

- Nói đến mà làm chẳng đến, gọi là đến chẳng đến. Làm đến mà nói chẳng đến, gọi là chẳng đến đến. Làm nói đều đến, gọi là đến đến.

*

- Phật pháp chẳng hết hữu vi, chẳng trụ vô vi. Thế nào là chẳng hết hữu vi ?
Thế nào là chẳng trụ vô vi ?

- Chẳng hết hữu vi là từ mới phát tâm cho đến ở dưới cội Bồ-đề thành Đẳng chánh giác, sau đến Song lâm vào Niết-bàn, trong khoảng giữa đó tất cả pháp đều không bỏ. Ấy là chẳng hết hữu vi.

Chẳng trụ vô vi là tuy tu vô niệm mà chẳng dùng vô niệm làm chỗ chứng. Tuy tu Không mà chẳng lấy Không làm chỗ chứng. Tuy tu Bồ-đề Niết-bàn vô tướng vô tác, mà chẳng dùng vô tướng vô tác làm chỗ chứng. Ấy là chẳng trụ vô vi.

*

- Có địa ngục hay không có địa ngục ?
- Cũng có cũng không.
- Tại sao cũng có cũng không ?
- Vì tùy tâm tạo tất cả nghiệp ác thì có địa ngục. Nếu tâm không nhiễm, vì tự tánh Không thì không địa ngục.

*

- Chúng sanh chịu tội có Phật tánh chăng ?
- Cũng đồng Phật tánh.
- Đã có Phật tánh thì chính khi vào địa ngục Phật tánh đồng vào chăng ?
- Chẳng đồng vào.
- Vậy chính khi chúng sanh vào địa ngục Phật tánh ở chỗ nào ?
- Cũng đồng vào.
- Đã đồng vào thì khi chúng sanh chịu tội Phật tánh cũng đồng chịu tội chăng ?

- Phật tánh tuy theo chúng sanh đồng vào, mà chúng sanh chịu tội khổ, Phật tánh xưa nay vẫn không chịu.

- Đã đồng vào nhân đâu chẳng chịu ?
- Chúng sanh là có tướng, có tướng thì có thành hoại, Phật tánh là không tướng, không tướng thì tánh Không. Thế nên, tánh chân không không có hoại. Ví

như có người chắt củi trong hư không, củi lâu ngày bị mục, hư không chẳng mục. Hư không dụ Phật tánh, củi dụ chúng sanh. Vì thế, nói đồng vào mà không đồng chịu.

*

- Chuyển tám thức thành bốn trí, rút bốn trí thành ba thân, vậy mấy thức chung thành một trí, mấy thức riêng thành một trí ?

- Mắt tai mũi lưỡi thân, năm thức này chung thành Thành sở tác trí. Ý thức thứ sáu riêng thành Diệu quan sát trí. Tâm thức thứ bảy riêng thành Bình đẳng tánh trí. Thức hàm tàng thức tám riêng thành Đại viên cảnh trí.

- Bốn trí này là khác hay đồng ?

- Thể đồng mà tên khác.

- Thể đã đồng tại sao tên khác ?

- Vì tùy sự đặt tên (Câu đáp này trong bản văn thiếu, dịch giả thêm cho đủ nghĩa.)

- Đã tùy sự đặt tên thì khi một thể, cái gì là Đại viên cảnh trí ?

- Yên tịnh không lặng tròn sáng chẳng động là Đại viên cảnh trí. Đối các trần không khởi yêu ghét tức là hai tánh Không, hai tánh Không là Bình đẳng tánh trí. Hay vào cảnh giới các căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân) khéo phân biệt mà chẳng khởi loạn tưởng, được tự tại là Diệu quan sát trí. Hay khiến các căn tùy sự ứng dụng, thấy vào Chánh định, không có hai tướng là Thành sở tác trí.

- Rút bốn trí làm ba thân, bao nhiêu trí chung làm một thân, bao nhiêu trí riêng làm một thân ?

- Đại viên cảnh trí riêng thành Pháp thân. Bình đẳng tánh trí riêng làm Báo thân. Diệu quan sát trí cùng Thành sở tác trí chung làm Hóa thân. Ba thân này cũng giả lập tên để phân biệt, cốt cho người chưa hiểu xem. Nếu người liễu đạt lý này cũng không có ba thân ứng dụng. Vì sao ? Vì thể tánh không tướng, từ gốc không trụ mà lập, cũng không có gốc không trụ.

*

- Thể nào là thấy chân thân Phật ?

- Chẳng thấy có không, là thấy chân thân Phật.
- Thế nào là chẳng thấy có không, là thấy chân thân Phật ?
- Có nương nơi không mà lập, không nương nơi có mà hiển bày, vốn chẳng lập có thì không đâu còn. Đã chẳng còn không thì có từ đâu mà có. Có với không làm nhân cho nhau mà có. Đã làm nhân cho nhau mà có thì thấy đều sanh diệt. Chỉ lìa hai cái thấy này, tức là thấy chân thân Phật.

- Có Không còn không thể được, huống là dựng lập chân thân, thì căn cứ vào đâu mà lập ?

- Vì có hỏi nên lập. Nếu khi không hỏi thì tên chân thân cũng không thể lập. Vì sao ? Ví như gương sáng nếu khi đối vật tượng tức hiện hình tượng, nếu khi chẳng đối vật tượng trọn chẳng thấy hình tượng.

*

- Thế nào là thường chẳng rời Phật ?

- Tâm không khởi diệt, đối cảnh vắng lặng, trong tất cả thời cứu cánh không tịch, tức là thường chẳng rời Phật.

*

- Thế nào là pháp vô vi ?

- Là hữu vi vậy.

- Nay hỏi pháp vô vi nhân sao đáp hữu vi?

- Hữu nhân vô mà lập, vô nhân hữu mà hiển. Vốn chẳng lập hữu thì vô từ đâu mà sanh. Nếu luận về chân vô vi là chẳng chấp hữu vi cũng chẳng chấp vô vi, ấy là pháp chân vô vi. Vì có sao ? Kinh nói : “Nếu chấp tướng pháp là chấp ngã nhân, nếu chấp tướng phi pháp là chấp ngã nhân. Thế nên, chẳng nên chấp pháp, chẳng nên chấp phi pháp” tức là được chân pháp vậy. Nếu thấu rõ được lý này là chân giải thoát, là hội được pháp môn bất nhị.

- Thế nào là nghĩa trung đạo ?

- Nghĩa hai bên vậy.

- Nay hỏi nghĩa trung đạo, tại sao đáp nghĩa hai bên ?

- Hai bên nhân giữa mà lập, giữa nhân hai bên mà sanh. Trước nếu không có hai bên thì giữa từ đâu mà có ? Nay nói giữa là nhân hai bên mà có. Cho nên biết, giữa cùng hai bên nhân nhau mà lập, thấy đều vô thường, sắc thọ tướng hành thức cũng lại như thế.

*

- Thế nào gọi là năm ấm ?

- Đối sắc nhiễm sắc, theo sắc thọ sanh, gọi sắc ấm. Vì lãnh nạp vào trong tám gió (lợi, suy, hủy, dự, xung, cơ, khổ, lạc), ưa tập những thứ tin tà, từ trong sự lãnh thọ mà sanh, gọi là thọ ấm. Mê tâm chấp tướng, theo tướng thọ sanh, gọi là tướng ấm. Kết nhóm các hành, theo hành thọ sanh, gọi là hành ấm. Nơi thể bình đẳng vọng khởi phân biệt dính mắc, theo thức thọ sanh, gọi là thức ấm. Thế nên gọi là năm ấm

*

- Kinh nói : Hai mươi lăm cõi, thế nào là hai mươi lăm cõi ?

- Là thọ thân đời sau vậy. Thân đời sau là thọ sanh trong sáu đường. Vì chúng sanh hiện đời tâm mê ưa kết các nghiệp, sau ắt theo nghiệp thọ sanh, cho nên nói đời sau.

- Ở đời nếu có người chí tâm tu hành được cứu cánh giải thoát, chúng vô sanh pháp nhẫn, hằng lìa tam giới chẳng thọ thân sau. Người không thọ thân sau là chúng pháp thân. Pháp thân tức là thân Phật.

- Tên hai mươi lăm cõi làm sao phân biệt ?

- Bản thể là một, vì tùy dụng đặt tên nên có rõ ràng hai mươi lăm cõi. Hai mươi lăm cõi là mười điều ác, mười điều lành và năm ấm.

- Thế nào là mười điều ác, mười điều lành ?

- Mười điều ác là : Sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói thêu dệt, nói hai lưỡi, nói hung ác và tham, sân, tà kiến. Mười điều lành là ngược lại chẳng làm mười điều ác trên.

*

- Trước nói vô niêm mà tôi chưa thông tột ?

- Vô niệm là ở tất cả chỗ mà không tâm, không tất cả cảnh, không có những nghĩ cầu, đối các cảnh sắc hằng không khởi động. Được vô niệm gọi là chân niệm. Nếu dùng niệm khởi nghĩ làm niệm là tà niệm, chẳng phải chánh niệm. Vì sao ? Vì Kinh nói : “Nếu dạy người lục niệm (niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí, niệm Thiên) gọi là phi niệm”. Có lục niệm gọi là tà niệm. Không lục niệm gọi là chân niệm. Kinh nói : “Này thiện nam ! Chúng ta trụ trong pháp vô niệm được sắc vàng ba mươi hai tướng như thế, phóng hào quang lớn soi khắp các thế giới, công đức không thể nghĩ bàn, Phật còn nói chẳng hết, huống là các thừa mà có thể biết”.

Người được vô niệm, sáu căn không nhiễm, tự nhiên được vào tri kiến chư Phật. Được như thế, gọi là Phật tạng (kho tàng Phật) cũng gọi là Pháp tạng (kho tàng Pháp) hay bao gồm tất cả Phật, tất cả Pháp. Vì có sao ? Vì vô niệm vậy. Kinh nói : “Tất cả chư Phật đều từ Kinh này xuất sanh”.

- Đã bảo vô niệm thì câu “Vào tri kiến Phật” từ đâu mà lập ?

- Từ vô niệm lập. Vì sao ? Kinh nói : “Từ gốc vô trụ lập tất cả Pháp”. Lại nói : “Ví như gương sáng, trong gương tuy không hình tượng mà hay hiện muôn vàn hình tượng. Vì sao ? Vì gương sáng nên hay hiện muôn vàn hình tượng”. Người học đạo do tâm không nhiễm nên vọng niệm chẳng sanh, tâm ngã nhân diệt, cứu cánh thanh tịnh, vì thanh tịnh hay sanh tri kiến vô lượng.

*

- Thế nào là đốn ngộ? (Câu này trong văn không có, e bản chữ Hán sót, dịch giả thêm vào.)

- Đốn ngộ là ngay trong đời này được giải thoát. Làm sao mà biết ? Ví như sư tử con, khi mới lọt lòng mẹ quả nhiên là sư tử. Người tu đốn ngộ cũng như thế, ngay khi tu liền vào vị Phật. Như tre mùa xuân sanh măng, cũng ngay trong mùa xuân măng bằng tre, đồng không có khác. Vì có sao ? Vì trong ruột trống. Người tu đốn ngộ cũng như thế. Vì chóng trừ vọng niệm hằng dứt ngã nhân, cứu cánh không tịch, cùng Phật bằng nhau, đồng không có khác. Cho nên nói : “Ngay nơi

phàm là thánh”. Người tu đốn ngộ chẳng rời thân này liền vượt tam giới. Kinh nói :
“Chẳng hoại thế gian mà vượt khỏi thế gian, chẳng xả phiền não mà vào Niết-bàn”.

- Người không tu đốn ngộ thì thế nào ?

- Người không tu đốn ngộ, ví như đã can nhập bảy sư tử, trải trăm ngàn kiếp trọn chẳng được thành sư tử.

*

- Tánh chân như là thật không hay thật chẳng không? Nếu nói chẳng không tức là có tướng. Nếu nói không tức là đoạn diệt. Tất cả chúng sanh phải nương vào đâu tu hành để được giải thoát ?

- Tánh chân như cũng không cũng chẳng không. Vì sao? Vì diệu thể chân như không hình không tướng không thể được, nên nói cũng không. Song trong thể Không vô tướng đầy đủ diệu dụng hằng sa, không việc gì chẳng ứng hiện, nên nói cũng chẳng không. Kinh nói : “Hiểu một tức ngàn theo, mê một tức muôn lầm”. Nếu người giữ một thì muôn việc đều xong, ấy là diệu thuật ngộ đạo. Kinh nói : “Sum la và vạn tượng đều do một pháp ấn hiện. Thế nào trong một pháp mà sanh các thứ kiến ? Vì công nghiệp như thế do hành làm gốc”.

*

Nếu người chẳng chịu hàng phục tâm, y cứ văn nghĩa mà cho là chứng ngộ thì không thể có. Người chấp như thế, là dối mình dối người, mình người đều đọa. Phải cố gắng ! Cố gắng ! Xét nét kỹ càng. Chỉ việc đến chẳng nhận, tất cả chỗ không tâm, người được như thế, liền vào Niết-bàn, chứng vô sanh pháp nhẫn, cũng gọi là pháp môn bất nhị, cũng gọi vô tránh, cũng gọi nhất hạnh Tam-muội. Vì có sao ? Vì cứu cánh thanh tịnh, không ngã không nhân, chẳng khởi thương ghét, là hai tánh không, là không có chỗ thấy, tức là hoàn tất cái chân như vô đặc.

*

Quyển luận này chẳng truyền cho người không tin, chỉ truyền cho người đồng kiến đồng hạnh. Phải xem xét người đối trước có tâm thành tín, kham lãnh thọ không lui sụt, người như thế mới nên vì họ mà nói, chỉ dạy khiến cho họ được ngộ. Tôi làm quyển luận này là vì người hữu duyên, chẳng phải cầu danh lợi.

Chư Phật nói ra ngàn kinh muôn luận, chỉ vì chúng sanh mê muội, tâm hạnh chẳng đồng, tùy chỗ tà chấp của họ mà nói pháp đối trị, nên có sai biệt. Nếu luận về lý giải thoát cứu cánh chỉ là việc đến chẳng nhận, tất cả chỗ không tâm, hăng lạng lẽ như không, cứu cánh thanh tịnh tự nhiên giải thoát.

Ông chớ cầu hư danh miệng nói chân như, mà tâm tự khi vượn, tức lời nói việc làm trái nhau, gọi là dối mình, sẽ sa vào đường ác. Chớ cầu cái khoái lạc hư danh nhất thời, mà chẳng biết nhiều kiếp phải chịu họa ương. Cố gắng! Cố gắng! Chúng sanh phải tự độ, Phật không thể độ được. Nếu Phật hay độ chúng sanh, thì chư Phật thời quá khứ số nhiều như cát bụi, lẽ ra tất cả chúng sanh đều được độ hết. Vì sao chúng ta đến ngày nay vẫn còn trôi lăn trong sanh tử, không được thành Phật? Thế nên biết, chúng sanh phải tự độ, Phật không thể độ được. Cố gắng! Cố gắng! Tự mình lo tu hành, chớ ý lại vào sức Phật khác. Kinh nói: “Phàm người cầu pháp chẳng chấp trước Phật mà cầu”.

*

- Ở đời sau, có những nhóm tạp học, làm sao cùng ở chung?

- Chỉ hòa ánh sáng kia, chẳng đồng nghiệp kia, đồng chỗ mà chẳng đồng ở. Kinh nói: “Tùy lưu (trôi theo) mà tánh thường vậy”. Người học đạo cần yếu phải nghĩ “mình vì đại sự nhân duyên là việc giải thoát, thấy đều chẳng dám khinh người chưa học, kính người mình học như Phật, chẳng đề cao đức của mình, chẳng đố kỵ điều hay của người, tự xét nét hạnh của mình, chẳng dòm dõ lỗi của người”, thì ở tất cả chỗ đều không bị chướng ngại, tự nhiên được khoái lạc.

Lặp lại kệ rằng:

Nhẫn nhục đạo thứ nhất,
Trước phải trừ ngã nhân,
Việc đến không thọ nhận,
Là thân chân Bồ-đề.

Kinh Kim Cang nói: “Người thông đạt pháp vô ngã, Như Lai gọi là Bồ-tát chân thật”. Lại nói: “Chẳng thủ lại chẳng xả, hằng đoạn được sanh tử, tất cả chỗ

không tâm, gọi là con chur Phật”. Kinh Niết-bàn nói : “Nhu Lai chúng Niết-bàn
hằng đoạn dứt sanh tử”.

Kệ rằng :

Nay ta ý thật rất tốt,
Khi người chê mắng chẳng buồn,
Không lời chẳng nói phải quấy,
Niết-bàn sanh tử đồng đường.
Hiểu thấu bản tông nhà mình,
Vẫn là không có xanh đen,
Tất cả vọng tưởng phân biệt,
Vả biết người đời chẳng rõ.
Gởi lời phàm phu đời sau,
Dẹp hết trong tâm rơm cỏ,
Nay ta ý rất thênh thang,
Chẳng nói, không việc, tâm an.
Thong dong, tự tại, giải thoát,
Đông tây dòi dôi dễ dàng,
Trọn ngày không nói lặng yên,
Niệm niệm hướng lý nghĩ xét.
Tự nhiên tiêu dao thấy đạo,
Sanh tử quyết chẳng liên quan,
Nay ta ý thật lạ kỳ,
Chẳng đến trên đời luống dối.
Vinh hoa thấy là giả tạm,
Áo rách cơm hẩm đủ no,
Đi đường gặp người biếng nói,
Người đời đều gọi ta ngu.
Ngoài hiện ngu ngơ ám độn,
Trong tâm sáng tự lưu ly,

Thâm hợp La-hầu mật hạnh,

Chẳng phải phàm phu kham biết.

Tôi e các ông chẳng hội thấu lý chân giải thoát nên lại chỉ bày các ông.

*

- Kinh Duy-ma nói : “Muốn được tịnh độ phải tịnh tâm ấy”. Thế nào là tịnh tâm ?

- Dùng cái tịnh cứu cánh làm tịnh.

- Thế nào là dùng cái tịnh cứu cánh làm tịnh ?

- Không tịnh cũng không không tịnh, tức là tịnh cứu cánh.

- Thế nào là không tịnh cũng không không tịnh ?

- Tất cả chỗ không tâm là tịnh, khi được tịnh mà chẳng khởi tướng tịnh, gọi là không tịnh. Khi được không tịnh cũng không được khởi tướng không tịnh, gọi là không không tịnh.

*

- Người tu hành lấy cái gì làm chứng ?

- Lấy cái chứng cứu cánh làm chứng.

- Thế nào là cái chứng cứu cánh ?

- Không chứng cũng không không chứng, gọi là chứng cứu cánh.

- Thế nào là không chứng và không không chứng ?

- Ở ngoài không nhiễm sắc, thanh v.v... bên trong tâm không khởi vọng niệm, được như thế gọi là chứng. Khi được chứng mà không khởi tướng chứng, gọi là không chứng. Khi được không chứng cũng không khởi tướng không chứng, gọi là không không chứng.

*

- Thế nào là tâm giải thoát ?

- Không tâm giải thoát, cũng không không tâm giải thoát, gọi là chân giải thoát. Kinh nói : “Pháp còn phải xả hà huống phi pháp”. Pháp là có, phi pháp là không, chỉ chẳng chấp có không là chân giải thoát.

*

- Thế nào đắc đạo ?
- Dùng cái đắc cứu cánh làm đắc.
- Thế nào là cái đắc cứu cánh ?
- Không đắc cũng không không đắc, gọi là đắc cứu cánh.

*

- Thế nào là Không cứu cánh ?
- Chẳng Không cũng chẳng chẳng Không gọi là Không cứu cánh.

*

- Thế nào là chân như định ?
- Không định cũng không không định gọi là chân như định. Kinh nói : “Không có pháp định gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không pháp định Như Lai có thể nói”. Kinh nói : “Tuy tu Không mà chẳng lấy Không làm chứng, cũng chẳng được khởi tướng Không. Tuy tu Định mà chẳng lấy Định làm chứng, cũng chẳng được khởi tướng Định. Tuy được Tịnh mà chẳng lấy Tịnh làm chứng, cũng chẳng được khởi tướng tịnh”.

Nếu khi được định, được tịnh, được tất cả chỗ không tâm, liền khởi tướng được như thế, đều là vọng tưởng, liền bị ràng buộc không thể nói là giải thoát. Nếu khi được như thế, rõ ràng tự biết, được tự tại, mà chẳng được cho thế là chứng, cũng chẳng được khởi tướng như thế là được giải thoát. Kinh nói : “Nếu khởi tâm tinh tấn là vọng không phải tinh tấn. Nếu người hay trong tâm chẳng vọng là tinh tấn không có bờ mé”.

*

- Thế nào là trung đạo ?
- Không khoảng giữa cũng không hai bên là trung đạo.
- Thế nào là hai bên ?
- Có tâm kia, có tâm này là hai bên.
- Thế nào là tâm kia tâm này ?

- Bên ngoài dính với sắc thanh gọi là tâm kia. Bên trong khởi vọng niệm là tâm này. Nếu bên ngoài không nhiễm sắc, gọi là không tâm kia. Bên trong không khởi vọng niệm, gọi là không tâm này. Thế nên không phải hai bên. Tâm đã không hai bên thì giữa cũng đâu có được. Được như thế gọi là trung đạo. Thật là Như Lai đạo. Như Lai đạo là tất cả người giác được giải thoát. Kinh nói : “Hư không chẳng giữa chẳng hai bên, thân chư Phật cũng vậy”. Nhưng tất cả sắc không, là tất cả chỗ không tâm vậy. Tất cả chỗ không tâm tức tất cả sắc tánh không. Hai nghĩa chẳng khác, cũng gọi sắc không, cũng gọi pháp sắc không.

Nếu ông lìa “Tất cả chỗ không tâm”, mà được Bồ-đề giải thoát, Niết-bàn tịch diệt, thiền định kiến tánh, thì không thể nào có. “Tất cả chỗ không tâm” tức là được Bồ-đề giải thoát, Niết-bàn tịch diệt, cho đến lục độ đều là chỗ kiến tánh. Vì có sao ? Kinh Kim Cang nói: “Không có một chút pháp có thể được, ấy gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”.

*

- Nếu có tu tất cả hạnh đầy đủ thành tựu được thọ ký chăng ?

- Chẳng được.

- Nếu không tu tất cả pháp thành tựu, được thọ ký chăng ?

- Chẳng được.

- Nếu thế ấy, phải do pháp gì được thọ ký?

- Chẳng do có hành, cũng chẳng do không hành, là được thọ ký. Vì có sao?

Kinh Duy-ma nói : “Các hạnh tánh tướng đều vô thường”. Kinh Niết-bàn nói : “Phật bảo Ca Diếp, các hạnh là thường, không có lẽ phải”. Ông chỉ tất cả chỗ không tâm, là không có hạnh, cũng không không các hạnh, gọi là thọ ký. Nói tất cả chỗ không tâm, là không tâm yêu ghét vậy. Nói không yêu ghét, là thấy việc tốt chẳng khởi tâm yêu; thấy việc xấu cũng chẳng sanh tâm ghét .

Không yêu gọi là không tâm nhiễm, chính là sắc tánh không. Sắc tánh không tức là muôn duyên đều bật. Muôn duyên đều bật thì tự nhiên được giải thoát.

Ông phải xét kỹ đó, nếu khi chưa được tỉnh sáng thấu rõ, thì phải hỏi sớm chớ có bỏ qua. Các ông nếu y theo lời dạy đây tu, mà chẳng được giải thoát, tôi xin trọn đời thay các ông chịu tội trong đại địa ngục. Nếu tôi lừa dối các ông, sau này tôi sanh nơi nào sẽ bị sư tử, cọp, sói ăn thịt. Các ông nếu chẳng y theo lời dạy đây siêng năng tu hành thì không bảo đảm. Một phen mất thân này muôn kiếp khó được lại. Phải cố gắng! Cố gắng! Cần phải tự biết .



GHI LỜI SƯ ĐÁP CÁC NGƯỜI ĐẾN HỎI VÀ DẠY CHÚNG

Sư bảo học chúng :

- Tôi chẳng hội thiên, trọn không có một pháp có thể dạy người, không phiến các người đứng lâu, hãy tự đi đi!

Tuy vậy mà học chúng dần dần thêm đông, ngày đêm thưa hỏi. Sư bắt đắ dĩ vì hỏi giải đáp, biện tài không ngại.

*

Có vài vị Pháp sư đến hỏi :

- Định hỏi một câu, thầy có vui lòng đáp chẳng ?

Sư bảo :

- Bóng trăng dưới đầm sâu, mặc ý mò bắt.(Thiền gia cho ngôn ngữ không thể nói đến chân lý, chỉ nương ngôn ngữ để thấy chân lý ngoài ngôn ngữ. Vì thế lời giải đáp như bóng mặt trăng hiện dưới đầm. Người muốn thấy mặt trăng thật, phải nương bóng mặt trăng ấy, mà nhìn ngược lên trời thì mới thấy. Cố chấp bóng mặt trăng dưới đầm, thì suốt kiếp không khi nào thấy bóng mặt trăng thật.)

- Thế nào là Phật ?

- Hồ nước trong đối diện, chẳng phải Phật là gì? (Tâm thanh tịnh là Phật. Nếu đối cảnh mà tâm không sanh, chẳng phải Phật là gì ? Vì thế, Sư bảo “Hồ nước trong đối diện”, tức là tâm đối cảnh chẳng động như hồ nước trong, khi ấy chẳng phải Phật là cái gì ? Thiền tông chỉ tâm là Phật, chẳng đi cầu Phật bên ngoài. Nếu đem tâm đi cầu Phật, ấy là vác Phật đi cầu Phật, không bao giờ thấy Phật.)

Các vị ấy đều ngờ ngác, không biết gì cả. Giây lâu có vị lại hỏi :

- Thầy nói pháp gì độ người ?

- Bản đạo chưa từng có một pháp gì độ người.

- Thiền sư nhà tối như thế ?

- Đại đức nói pháp gì độ người ?

- Giảng Kinh Kim Cang Bát-nhã.

- Giảng được bao nhiêu lần ?

- Hơn hai mươi lần.

- Kinh này ai nói ?

Pháp sư tăng háng lên giọng gắt :

- Thiên sư khéo nói đùa, há không biết Phật nói sao?

- “Nếu nói Như Lai có nói pháp là chê bai Phật,

người ấy không hiểu nghĩa ta nói” (kinh Kim Cang). Nếu nói kinh này không phải Phật nói tức là phi báng kinh. Thỉnh Đại đức nói xem ?

Pháp sư im lặng không đáp được.

Chốc lát, Sư lại hỏi :

- Kinh nói : “Nếu lấy sắc thấy ta, lấy âm thanh cầu ta, người ấy hành đạo tà, không thể thấy Như Lai”. Đại đức hãy nói cái gì là Như Lai ?

- Đến chỗ này tôi mê hẳn.

- Từ trước đến giờ chưa từng ngộ nói cái gì là mê ?

- Thỉnh Thiên sư vì tôi nói.

- Đại đức giảng kinh hơn hai mươi lượt, lại chưa biết Như Lai ?

Pháp sư lễ bái cầu xin chỉ dạy.

Sư bảo :

- Như Lai là nghĩa Như của các pháp, đâu thể quên được.

- Phải là nghĩa Như của các pháp.

- Đại đức nói, phải cũng chưa phải.

- Văn kinh rõ ràng đâu thể chưa phải ?

- Đại đức Như chăng ?

- Như.

- Cây đá Như chăng ?

- Như.

- Đại đức Như, đồng cây đá Như chăng ?

- Không hai.

- Đại đức cùng cây đá đâu khác ?

Pháp sư không đáp được. Lại khen : “Đây là thượng nhân khó đối đáp được”. Giây lâu lại hỏi :

- Thế nào được đại Niết-bàn ?

- Chẳng tạo nghiệp sanh tử.

- Thế nào là nghiệp sanh tử ?

- Cầu đại Niết-bàn là nghiệp sanh tử, bỏ nhơ lấy sạch là nghiệp sanh tử, có đắc có chứng là nghiệp sanh tử, không vượt khỏi môn đối trị là nghiệp sanh tử.

- Thế nào là được giải thoát ?

- Vốn tự không phược (trói buộc) chẳng cần cầu giải thoát, dùng thẳng, hành thẳng là Vô đẳng đẳng (Phật không ai so bằng gọi là vô đẳng, chư Phật đồng nhau gọi là đẳng. Vô đẳng đẳng là chỉ cho Phật).

Pháp sư khen :

- Thiên sư như Hòa thượng thật là ít có.

Khen xong, Pháp sư lễ tạ lui ra.

*

Có vị cư sĩ đến hỏi :

- Túc tâm tức Phật, cái gì là Phật ?

Sư bảo :

- Ông nghi cái gì không phải Phật chỉ ra xem ?

Cư sĩ lặng thinh.

Sư nói tiếp :

- Đạt thì khắp cảnh là Phật, chẳng ngộ thì hằng trái xa.

*

Có Luật sư hiệu Pháp Minh đến nói :

- Các Thiên sư phần nhiều rơi vào không.

Sư bảo :

- Trái lại, các Tọa chủ phần nhiều rơi vào không.

Pháp Minh hoảng sợ hỏi :

- Tại sao rơi vào không ?

- Kinh luận là giấy mực văn tự, giấy mực văn tự đều là không (duyên hợp không thể), dù là trên tiếng dựng lập danh, cú, văn, thân đâu chẳng phải là không. Tọa chủ bám chặt vào giáo thể, đâu chẳng rơi vào không.

- Thiền sư rơi vào không chẳng ?

- Chẳng rơi vào không.

- Sao lại chẳng rơi vào không ?

- Văn tự v.v... đều từ trí tuệ mà sanh, đại dụng hiện tiền đâu thể rơi vào không.

- Cho biết một pháp không đạt, chẳng gọi là “Tất- đạt”.

- Luật sư chẳng những rơi vào không, lại còn dùng lầm danh ngôn.

Pháp Minh đổi sắc mặt hỏi :

- Làm chỗ nào ?

- Luật sư chưa rành âm Trung Hoa và Phạn làm sao giảng thuyết ?

- Thịnh Thiền sư chỉ ra chỗ lầm của Pháp Minh.

- Đâu chẳng biết “Tất-đạt” là tiếng Phạn sao? (Tất-đạt là tiếng Phạn, nói đủ là Tất-bà-hạt-thích-tha-tất-đà. Trung Hoa dịch là Nhất thiết nghĩa. Xưa dịch âm Tất-đạt là sai, không đủ âm.)

Pháp Minh tuy nhận thấy lỗi, mà tâm vẫn còn giận, lại hỏi :

- Phàm Kinh, Luật, Luận là lời Phật, đọc tụng, y giáo phụng hành, sao chẳng thấy tánh ?

- Như chó điên đuổi bóng, sư tử cắn người. Kinh Luật Luận là tự tánh dụng, người đọc tụng là tánh pháp.

- Phật A Di Đà có cha mẹ và họ chẳng ?

- Phật A Di Đà họ Kiều Thi Ca, cha tên Nguyệt Thượng, mẹ tên Thù Thắng

Diệu Nhan.

- Xuất phát từ kinh điển nào ?

- Xuất phát từ tập Đà-la-ni.

Pháp Minh lễ tạ khen ngợi lui ra.

*

Có vị Pháp sư thông Tam tạng đến hỏi :

- Chân như có biến đổi chăng ?

Sư đáp :

- Có biến đổi.

- Thiền sư lầm.

- Đại đức có chân như chăng ?

- Có.

- Nếu không biến đổi quyết định là phàm tăng. Đâu chẳng nghe “Thiền tri thức hay chuyển ba độc thành ba nhóm tịnh giới, chuyển sáu thức thành sáu thần thông, chuyển phiền não thành Bồ-đề, chuyển vô minh thành đại trí”. Chân như nếu không biến đổi, Đại đức thật là ngoại đạo, chủ trương tự nhiên vậy.

- Nếu vậy chân như tức có biến đổi ?

- Nếu chấp chân như có biến đổi cũng là ngoại đạo.

- Thiền sư vừa nói chân như có biến đổi, giờ lại nói không biến đổi, vậy thế nào thật đúng ?

- Nếu người thấy tánh rõ ràng như hạt minh châu ma-ni hiện sắc, nói biến đổi cũng được, nói không biến đổi cũng được. Nếu người không thấy tánh nghe nói chân như biến đổi bèn hiểu biến đổi, nghe nói không biến đổi bèn hiểu không biến đổi.

Pháp sư khen :

- Nên biết Nam tông (thiền đốn ngộ miền Nam) không thể lường.

*

Đồ đệ đạo Lão đến hỏi :

- Thế gian có pháp nào vượt hơn tự nhiên chăng ?

Sư đáp :

- Có.

- Pháp gì hơn được ?

- Hay biết tự nhiên vậy.

- Nguyên khí là Đạo chăng ?
- Nguyên khí tự nguyên khí, đạo tự đạo.
- Nếu như thế ắt phải có hai ?
- Biết, không hai người.
- Thế nào là tà, thế nào là chánh ?
- Tâm theo vật là tà, vật theo tâm là chánh.

*

Luật sư Nguyên đến hỏi :

- Hòa thượng tu có dụng công chăng ?

Sư đáp :

- Dụng công.
- Dụng công thế nào ?
- Khi đói thì ăn, khi mệt thì ngủ.
- Tất cả người đều như vậy, đồng chỗ dụng công của thầy chăng ?
- Chẳng đồng.
- Tại sao chẳng đồng ?
- Họ khi ăn chẳng chịu ăn, đòi trăm thứ cần dùng; khi ngủ chẳng chịu ngủ, tính toán ngàn chuyện, do đó chẳng đồng.

Nguyên im lặng.

*

Đại đức Uẩn Quang đến hỏi :

- Thiên sư tự biết chỗ sanh chăng ?

Sư đáp :

- Chưa từng tử đâu cần luận sanh. Biết sanh tức là pháp không sanh, chẳng lìa pháp sanh nói pháp không sanh. Tổ sư nói : “Chính cái sanh tức không sanh”.
- Người không thấy tánh cũng được như vậy chăng ?
- Tự chẳng thấy tánh chẳng phải không tánh. Vì sao? Vì thấy tức là tánh, không tánh thì không thể thấy. Thức tức là tánh, nên gọi thức tánh. Liễu tức là tánh, nên gọi liễu tánh. Hay sanh muôn pháp gọi là Pháp tánh, cũng gọi là Pháp

thân. Tổ sư Mã Minh nói : “Nói là pháp tức tâm chúng sanh. Nếu tâm sanh nên tất cả pháp sanh, nếu tâm không sanh thì pháp không nương đâu sanh, cũng không danh tự ”. Người mê chẳng biết Pháp thân không hình tượng, hay ứng vật hiện hình, bèn nói : “Trúc biếc xanh xanh đều là Pháp thân, hoa vàng mịt mịt thấy đều Bát-nhã” (thanh thanh thúy trúc tổng thị Pháp thân, uất uất hoàng hoa vô phi Bát-nhã). Hoa vàng nếu là Bát-nhã, Bát-nhã tức đồng vô tình. Trúc biếc nếu là Pháp thân, Pháp thân tức đồng cây cỏ. Như người ăn mặng tức ăn Pháp thân. Những lời nói như thế đâu thể kể chép hết. Đối diện mê Phật nhiều kiếp mong cầu, trong pháp thể mà mê lầm chạy tìm kiếm bên ngoài. Thế nên, người hiểu đạo đi đứng ngồi nằm đều là đạo, người ngộ pháp tung hoành tự tại đều là pháp.

- Hư không hay sanh linh tri chẳng ? Chân tâm duyên thiện ác chẳng ? Người tham dục là đạo chẳng ? Người chấp phải quấy về sau tâm thông chẳng ? Người xúc cảnh sanh tâm có định chẳng ? Người trụ chỗ yên lặng có tuệ chẳng ? Người ôm lòng khinh người có ngã chẳng ? Người chấp không chấp hữu có trí chẳng ? Người tầm văn thủ chứng, người khổ hạnh cầu Phật, người lìa tâm cầu Phật, người chấp tâm là Phật. Những người này hợp đạo chẳng ? Tỉnh Thiền sư mỗi mỗi vì đáp.

- Hư không chẳng sanh linh tri, chân tâm chẳng duyên thiện ác, người chìm sâu trong tham dục căn cơ cạn, người phải quấy lằng xằng chưa thông, người xúc cảnh sanh tâm ít định, người yên lặng quên hết là tuệ chìm, người khinh người cao mạn là ngã mạn, người chấp không chấp có đều ngu, người tầm văn thủ chứng thêm kẹt, người khổ hạnh cầu Phật là mê, lìa tâm cầu Phật là ngoại đạo, chấp tâm là Phật là ma.

- Nếu như thế thì rất ráo không thể có ?

- Rất ráo là Đại đức, chẳng phải rất ráo không thể có.

Uẩn Quang vui mừng lễ tạ lui ra

*

Sư thượng đường dạy chúng :

- Các người may mắn tự khéo giữ cái vô sự. Kẻ nhọc nhằn tạo tác là mang cùm sa ngục chớ gì ? Mỗi ngày từ sáng đến tối bôn ba nói : “Ta tham thiền học đạo, hiểu thấu Phật pháp”, như thế càng không dính dáng gì. Chỉ chạy theo thanh sắc biết bao giờ dứt. Bần đạo xưa đến tham vấn Hòa thượng ở Giang Tây (Mã Tổ), Hòa thượng dạy : “Kho báu nhà của người đầy đủ tất cả, sử dụng tự tại chẳng nhờ cầu bên ngoài”. Bần đạo từ đây thấy thôi, của báu của mình tùy thân thọ dụng, có thể nói sống thích thú, không một pháp có thể thủ, không một pháp có thể xả, chẳng thấy một pháp có tướng sanh diệt, chẳng thấy một pháp có tướng qua lại, khắp mười phương thế giới không một hạt bụi nào mà chẳng phải của báu nhà mình. Chỉ quan sát kỹ càng tâm mình một thể Tam bảo thường tự hiện trước, không thể nghi ngờ. Chớ suy xét, chớ tìm kiếm, tâm tánh xưa nay thanh tịnh. Kinh Hoa Nghiêm nói : “Tất cả pháp chẳng sanh, tất cả pháp chẳng diệt, nếu hay hiểu biết như thế, chư Phật thường hiện tiền”. Kinh Tịnh Danh nói : “Quán thân thật tướng, quán Phật cũng vậy”. Nếu chẳng theo thanh sắc mà động niệm, chẳng theo tướng mạo mà sanh hiểu, tự nhiên vô sự. Đi ! Chớ đứng lâu. Trân trọng !

Hôm nay đại chúng nhóm họp mãi không giải tán.

Sư hỏi :

- Các người vì cớ sao ở đây mãi không đi ? Bần đạo đã đối diện trình nhau, lại chịu thôi chẳng ? Có việc gì khả nghi, chớ lầm dụng tâm uổng phí khí lực. Nếu có nghi ngờ, các người tùy ý thưa hỏi.

Có vị hiệu Pháp Uyên hỏi :

- Thế nào là Phật, thế nào là Pháp, thế nào là Tăng, thế nào là một thể Tam bảo ? Xin Thầy từ bi chỉ dạy.

Sư đáp :

- Tâm là Phật chẳng cần đem Phật cầu Phật, tâm là Pháp chẳng cần đem pháp cầu pháp. Phật, Pháp hòa hợp không hai là Tăng, tức là một thể Tam bảo. Kinh nói: “Tâm, Phật, chúng sanh cả ba không khác”. Thân khẩu ý thanh tịnh gọi là Phật ra đời, ba nghiệp không thanh tịnh gọi là Phật diệt độ. Ví như khi giận thì không vui, khi vui thì không giận, chỉ một tâm thật không hai thể. Bản trí sẵn vậy,

vô lậu hiện tiền, như rắn hóa thành rồng không đổi vảy, chúng sanh hồi tâm thành Phật chẳng đổi mặt. Tánh vốn thanh tịnh chẳng đợi tu thành, có chứng có tu tức đồng người tăng thượng mạn. Chân không chẳng kẹt, ứng dụng không cùng, không thủy không chung. Người lợi căn đốn ngộ dụng vô đẳng đẳng tức là A-nậu-bồ-đề (Vô thượng Chánh giác). Tâm không hình tướng tức là sắc thân vi diệu. Không tướng tức là thật tướng Pháp thân, thể tánh tướng đều không tức là thân hư không vô biên. Muôn hạnh trang nghiêm, tức là công đức Pháp thân. Pháp thân này là gốc của muôn hóa, tùy chỗ đặt tên : Trí dụng không hết gọi là Vô tận tạng (kho vô tận), hay sanh muôn pháp gọi là Bản pháp tạng (kho gốc các pháp), đủ tất cả trí gọi là Trí tuệ tạng (kho trí tuệ), muôn pháp về Như gọi là Như Lai tạng (kho Như Lai). Kinh nói : “Như Lai đó, tức nghĩa Như của các pháp”. Lại nói : “Tất cả pháp sanh diệt thế gian không có một pháp chẳng về Như ”.

*

Có vị khách hỏi :

- Đệ tử chưa biết Luật sư, Pháp sư, Thiên sư vị nào hơn cả, cúi xin Hòa thượng từ bi chỉ dạy ?

Sư đáp :

- Luật sư là người mở pháp tạng Tỳ-ni (luật), truyền nề nếp làm mạng sống, thấu suốt Trì Phạm thông đạt Khai Giá, giữ oai nghi để làm mô phạm, phổ cáo ba phen yết-ma để làm nhân sơ khởi cho bốn quả (Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán). Nếu chẳng phải là hàng trưởng lão đức dày thì đâu kham đảm trách.

- Pháp sư là người ngồi tòa sư tử, biện luận thông như nước chảy, đối với nhiều người đồng chúng soi thấu cỗi huyền, mở cửa Bát-nhã nhiệm mầu, bình đẳng bố thí tam luân không tịch. Nếu chẳng phải là hàng long tượng làm sao dám đảm đương.

- Thiên sư là người nắm được then chốt của đạo, thấu suốt nguồn tâm, ra vào co duỗi, tung hoành tùy vật ứng hiện; sự lý thủy đồng, chóng thấy Như Lai,

nhỏ gốc sâu sanh tử, được Tam-muội hiện tiền. Nếu chẳng phải người an thiên tịnh lự đến chỗ ấy thấy đều mờ mịt.

Tùy căn cơ thọ lãnh pháp tu, ba môn học tuy khác mà được ý quên lời thì đồng Nhất thừa đâu sai biệt. Cho nên kinh nói : “Trong cõi Phật ở mười phương, chỉ có pháp Nhất thừa, không hai cũng không ba, trừ Phật phương tiện nói, chỉ tạm mượn danh tự, để dẫn đường cho chúng sanh” (Kinh Pháp Hoa).

Khách thưa :

- Hòa thượng thâm đạt ý chỉ của Phật, được biện tài vô ngại.

Lại hỏi thêm :

- Tam giáo Nho, Đạo, Thích là đồng hay khác ?

Sư đáp :

- Người đại lượng dùng đó thì đồng. Kẻ tiểu cơ cố chấp thì khác. Thấy đều từ trên một tánh khởi dụng, tùy căn cơ thấy sai biệt thành ba, mê ngộ do người, chẳng phải tại giáo đồng hay khác.

*

Pháp sư Đạo Quang chuyên giảng Duy Thức đến hỏi:

- Thiên sư dùng tâm nào tu đạo ?

Sư đáp :

- Lão tăng không tâm có thể dùng, không đạo có thể tu.

- Đã không tâm có thể dùng, không đạo có thể tu, tại sao mỗi ngày họp chúng khuyên người học thiên tu đạo?

- Lão tăng còn không có chút đất cắm dùi thì chỗ nào họp chúng lại. Lão tăng còn không có lưỡi thì đâu từng khuyên dạy người.

- Thiên sư dối diện mà nói dối.

- Lão tăng còn không có lưỡi khuyên người thì đâu biết nói dối.

- Thật tôi không hiểu lời luận nghị của Thiên sư.

- Lão tăng tự cũng chẳng hội.

*

Pháp sư Chí chuyên giảng kinh Hoa Nghiêm đến hỏi:

- Tại sao chẳng nhận “Trúc biếc xanh xanh đồng là Pháp thân, hoa vàng mịt mịt thảy đều Bát-nhã” ?

Sư đáp :

- Pháp thân không tướng, ứng hiện trong trúc biếc thành hình, Bát-nhã vô tri đối với hoa vàng mà hiển tướng, chẳng phải trúc biếc hoa vàng kia có Pháp thân Bát-nhã. Kinh nói : “Chân Pháp thân của Phật giống như hư không, ứng vật hiện hình như trăng trong nước”. Hoa vàng nếu là Bát-nhã, Bát-nhã tức đồng vô tình. Trúc biếc nếu là Pháp thân, trúc biếc lại hay ứng dụng. Tọa chủ hội chẳng ?

- Chẳng rõ ý này.

- Nếu người thấy tánh nói phải cũng được, nói chẳng phải cũng được, tùy dụng mà nói, chẳng kẹt phải quấy. Nếu người chẳng thấy tánh nói trúc biếc thì chấp trúc biếc, nói hoa vàng thì chấp hoa vàng, nói Pháp thân thì kẹt Pháp thân, nói Bát-nhã mà chẳng biết Bát-nhã. Do đó mà trở thành tranh luận.

Pháp sư Chí lễ tạ lui ra.

*

Có người hỏi :

- Đem tâm tu hành bao lâu được giải thoát ?

Sư đáp :

- Đem tâm tu hành ví như lấy bùn lỏng rửa nhơ. Bát-nhã huyền diệu vốn tự không sanh, đại dụng hiện tiền chẳng luận thời tiết.

- Phạm phu cũng được như thế chẳng ?

- Người thấy tánh thì chẳng phải phạm phu, đốn ngộ thượng thừa thì đã siêu phạm vượt thánh. Người mê luận phạm bàn thánh, người ngộ siêu vượt sanh tử Niết-bàn, người mê nói sự nói lý, người ngộ đại dụng cùng khắp. Người mê cầu đắc cầu chứng, người ngộ không đắc không cầu. Người mê hẹn kiếp xa sẽ chứng, người ngộ chóng thấy liền.

*

Pháp sư giảng kinh Duy-ma đến hỏi :

- Kinh nói : “Lục sư ngoại đạo kia v.v... là thầy của người, nhân kia xuất gia, thầy kia bị đọa người cũng theo đó mà đọa. Người thí cho người chẳng gọi phước điền, cúng dường cho người đọa trong ba đường ác. Chê Phật, hủy pháp, chẳng vào số chúng, trọn chẳng được diệt độ. Người nếu như thế mới nên nhận thức ăn” (Kinh Duy-ma). Thỉnh Thiền sư vì giải thích.

Sư đáp :

- Người mê chạy theo sáu căn gọi là Lục sư, ngoài tâm cầu Phật gọi là ngoại đạo, thấy có vật để thí chẳng gọi phước điền, sanh tâm nhận cúng dường đọa ba đường ác. Người nếu hay chê bai Phật là chẳng đấm cầu Phật, hủy báng Pháp là chẳng đấm cầu Pháp, chẳng vào số chúng là chẳng đấm cầu Tăng, trọn chẳng được diệt độ là trí dụng hiện tiền. Nếu có người hay hiểu được như thế liền được thức ăn thiền duyệt pháp hỷ.

*

Có vị cư sĩ đến hỏi :

- Có người hỏi Phật đáp Phật, hỏi Pháp đáp Pháp, bảo là pháp môn một chữ, chẳng biết phải chăng ?

Sư đáp :

- Như chim Anh Vĩ học nói tiếng người, tự nói chẳng đặng, vì không trí tuệ. Ví như đem nước rửa nước, đem lửa đốt lửa, trọn không có nghĩa lý gì.

*

Có người hỏi :

- Ngôn với ngữ là đồng hay khác ?

Sư đáp :

- Là một. Bởi vì lời nói (ngôn) thành câu gọi là ngữ. Vả như biện luận thao thao, ví tựa như nước chảy trong sông lớn, lời hay chòng chập, như hạt châu nghiêng để trong đồ tròn, mở rộng tên vạn tượng như nước chảy, chia chẻ nghĩa nhiều như biển cả, đó là ngữ vậy. Ngôn là một chữ hiện bày của tâm. Ở trong chứa huyền vi, bên ngoài hiện diệu tướng, muôn việc khuấy rối mà chẳng loạn, trong

đục lẫn lộn mà thường phân biệt. Vua Tề vẫn còn hồ thẹn lời của Đại phu, Bò-tát Văn Thù còn khen ngợi câu nói của Tịnh Danh, thì người thường làm sao hiểu nổi.

*

Luật sư Nguyên đến hỏi :

- Thiên sư thường nói : “Tức tâm là Phật”, không hợp lý. Và lại, Bò-tát Nhất Địa phân thân ở trăm thế giới chư Phật, Nhị Địa tăng lên gấp mười. Thiên sư thử hiện thân thông xem ?

Sư đáp :

- Chính mình Xà-lê là phàm hay Thánh ?

- Là phàm.

- Đã là phàm tăng sao lại hỏi cảnh giới như thế ? Kinh nói : “Nhân giả tâm có cao thấp, chẳng y nơi trí tuệ Phật”, đây là thế.

- Thiên sư mỗi ngày bảo : Nếu ngộ đạo thì thân hiện tiền liền được giải thoát, cũng không hợp lý.

- Có người trọn đời làm lành, bỗng nhiên ăn cắp đồ người cầm trong tay, ngay khi ấy thân này phải thân kêû cắp chẵng ?

- Phải.

- Hiện nay thấy tánh rõ ràng, tại sao không được giải thoát ?

- Đời nay hẳn không được, phải trải qua ba đại A-tăng-kỳ kiếp (ba vô số kiếp) mới được.

- A-tăng-kỳ kiếp lại có số chẵng ?

Nguyên lên giọng bảo :

- Đem kẻ cắp so với giải thoát, được thông đạo lý chẵng ?

Sư đáp :

- Xà-lê tự chẵng hiểu đạo, không thể chướng tất cả người hiểu, con mắt mình chẵng mở, không thể chướng tất cả người thấy vật.

Nguyên đổi sắc vừa đi vừa nói :

- Lão già hỗn tạp vô đạo.

Sư bảo :

- Chính đường đi đó là đạo của ông.

*

Pháp sư Tuệ chuyên giảng Chỉ Quán đến hỏi :

- Thiền sư biện biệt được ma chăng ?

Sư bảo :

- Khởi tâm là thiên ma, chẳng khởi tâm là ám ma, hoặc khởi chẳng khởi là phiền não ma. Trong chánh pháp ta không có việc như thế.

- Nhất tâm tam quán, nghĩa thế nào ?

- Tâm quá khứ thì đã qua, tâm vị lai thì chưa đến, tâm hiện tại thì không trụ, ở trong đó lại dùng tâm nào để quán?

- Thiền sư chẳng hiểu Chỉ Quán.

- Tọa chủ hiểu chăng ?

- Hiểu.

- Như Trí Giả Đại sư nói Chỉ để phá Chỉ, nói Quán để phá quán, trụ Chỉ thì chìm trong sanh tử, trụ Quán thì tâm thần loạn. Thế là, phải đem tâm Chỉ tâm, hay khởi tâm Quán để quán ? Nếu có tâm quán là pháp thường kiến, nếu không tâm quán là pháp đoạn kiến, cũng có cũng không là pháp nhị kiến. Thỉnh Tọa chủ xét kỹ nói xem ?

- Nếu hỏi như thế đều không thể nói được.

- Vậy thì đâu từng Chỉ Quán.

*

Có người hỏi :

- Bát-nhã lớn chăng ?

Sư đáp :

- Lớn.

- Lớn bằng chừng nào ?

- Không có ngăn mé.

- Bát-nhã nhỏ chăng ?

- Nhỏ.

- Nhỏ bằng chừng nào ?
- Xem chẳng thấy.
- Chỗ nào là Bát-nhã ?
- Chỗ nào chẳng phải Bát-nhã ?

*

Pháp sư giảng kinh Duy-ma hỏi :

- Chư Bồ-tát mỗi vị nhập pháp môn Bát nhĩ, ngài Duy-ma lặng thinh là cứu cánh chăng ?

Sư đáp :

- Chưa phải cứu cánh. Thánh ý nếu tột thì đến quyền ba lại nói việc gì ?

Pháp sư im lặng giây lát, thưa :

- Thịnh Thiên sư vì tôi nói ý chưa cứu cánh.

Sư bảo :

- Căn cứ trong kinh thì quyền nhất là “dẫn chúng gọi mười vị đại đệ tử trụ tâm”. Quyền hai là “chư Bồ-tát mỗi vị nói nhập pháp môn Bát nhĩ, dùng lời nói để hiển bày không lời; ngài Văn Thù dùng không lời để hiển bày không lời; ngài Duy-ma chẳng dùng lời chẳng dùng không lời, cho nên lặng thinh để thâm ngôn ngữ ở trước”. Quyền ba là “từ chỗ lặng thinh khởi nói, lại hiển thần thông tác dụng”. Tọa chủ hội chăng ?

- Thật là kỳ quái, đúng thế !

- Cũng chưa đúng thế.

- Tại sao chưa đúng thế ?

- Vả lại, vì để phá tình chấp của người nên nói như thế. Nếu y cứ ý kinh thì chỉ nói sắc tâm không tịch khiến người thấy bản tánh, dạy bỏ hạnh giả vào hạnh thật, chớ nhằm trên ngôn ngữ giấy mực mà thảo luận suy tính, cốt hội được hai chữ Tịnh Danh là đủ. Tịnh là bản thể. Danh là tích dụng. Từ bản thể khởi tích dụng, từ tích dụng trở về bản thể. Thể và dụng không hai. Bản (xưa) và tích (nay) không khác. Do đó, cổ nhân nói : “Bản (xưa) tích (nay) tuy khác, chẳng nghĩ bản là một vậy. Một cũng chẳng phải một”. Nếu hiểu hai chữ Tịnh Danh là giả hiệu,

lại nói cái gì cứu cánh cùng chẳng cứu cánh ? Không trước không sau, chẳng phải gốc chẳng phải ngọn, chẳng phải Tịnh chẳng phải Danh, vì chỉ bày cho chúng sanh bản tánh bất tư nghi giải thoát. Nếu người không thấy tánh, trọn đời chẳng thấy được lý này.

*

Có vị tăng hỏi :

- Muôn pháp trọn không, thức tánh cũng vậy. Ví như bong bóng nước một khi tan thì không hợp lại. Thân này chết chẳng sanh trở lại tức là rỗng không thì chỗ nào mà có thức tánh ?

Sư đáp :

- Bong bóng nhân nước mà có, bong bóng tan đâu thể không nước. Thân nhân tánh mà có, thân chết đâu thể nói tánh diệt.

- Đã nói có tánh, thử đem ra xem ?

- Ông tin có ngày hôm qua chăng ?

- Tin.

- Ông đem ngày hôm qua đến xem ?

- Ngày hôm qua thật là có, nhưng mà hiện giờ không thể đem đến được.

- Ngày hôm qua không thể đem đến được, chẳng phải không ngày hôm qua, ông tự không thấy tánh, chẳng phải không có tánh. Nay thấy mặc y, ăn cơm, đi, đứng, ngồi, nằm đối diện mà chẳng biết, đáng gọi là ngu mê. Ông muốn thấy ngày hôm qua thì cùng ngày nay chẳng khác. Đem tánh đi tìm tánh muôn kiếp trọn chẳng thấy, cũng như có người chẳng thấy mặt trời, chẳng phải mặt trời không có.

*

Pháp sư chuyên giảng Thanh Long sơ đến hỏi :

- Kinh nói : “Không pháp có thể nói, ấy gọi là nói pháp”. Thiền sư thể hội như thế nào ?

Sư đáp :

- Vì thể Bát-nhã cứu cánh thanh tịnh, không có một vật có thể được, ấy gọi là “không pháp”. Ở trong thể không tịch của Bát-nhã đủ diệu dụng như hà sa, là

không việc gì chẳng biết, ấy gọi là “nói pháp”. Cho nên nói : “Không pháp có thể nói, ấy gọi là nói pháp”.

*

Pháp sư giảng kinh Hoa Nghiêm hỏi :

- Thiên sư tin vô tình là Phật chăng ?

Sư đáp :

Chẳng tin. Nếu vô tình là Phật thì người sống chẳng bằng người chết, lừa chết chớ chết lẽ ra hơn người sống. Kinh nói : “Phật thân tức là Pháp thân, từ giới định tuệ mà sanh, từ tam minh lục thông mà sanh, từ tất cả pháp lành mà sanh”. Nếu nói vô tình là Phật, Đại đức hiện giờ chợt chết liền thành Phật rồi.

*

Có Pháp sư hỏi :

- Trì kinh Bát-nhã công đức rất nhiều, Thầy có tin chăng ?

Sư đáp :

- Chẳng tin.

- Nếu vậy sự linh nghiệm truyền lại hơn mười quyển đều không thể tin sao ?

- Người sống giữ hiếu tự có cảm ứng, không phải xương trắng hay có cảm ứng. Kinh là chữ giấy mực, chữ giấy mực tánh nó không, thì chỗ nào có linh nghiệm ? Sự linh nghiệm tại người trì kinh dụng tâm nên thần thông cảm vật. Thử đem một quyển kinh để trên bàn không có người thọ trì, tự nó có linh nghiệm chăng ?

*

Có vị tăng hỏi :

- Chưa biết tất cả danh tướng và pháp tướng, nói cùng với nín, thế nào thông hội liền không có trước sau ?

Sư đáp :

- Khi một niệm khởi xưa nay không tướng không danh, làm sao được nói có trước sau ? Chẳng rõ danh tướng vốn tịnh, vọng chấp có trước sau. Cổng danh tướng khóa, chẳng phải chìa khóa trí thì không thể mở. Hễ nói Trung đạo thì bệnh

tại Trung đạo, nói hai bên thì bệnh tại hai bên. Chẳng biết hiện dụng là Pháp thân Vô đẳng đẳng (Phật). Mê ngộ được mắt là pháp của người thường, tự khởi sanh diệt, chôn vùi chánh trí. Hoặc đoạn phiền não, hoặc cầu Bồ-đề đều là chối bỏ Bát-nhã.

*

Có người hỏi :

- Luật sư có sao chẳng tin thiên ?

Sư đáp :

- Vì lý sâu kín khó hiển bày, danh tướng dễ giữ. Người không thấy tánh nên chẳng tin thiên. Nếu người thấy tánh gọi đó là Phật, người biết Phật mới hay tin vào, Phật chẳng xa người mà người xa Phật. Phật là tâm tạo, mà người mê căn cứ trong văn tự để tìm. Người ngộ nhắm nơi tâm mà giác, người mê tu nhân đợi quả. Người ngộ thấu rõ tâm không tướng, người mê chấp vật giữ cái ngã làm mình. Người ngộ Bát-nhã ứng dụng hiện tiền, người ngu chấp không chấp có sanh kẹt. Người trí thấy tánh liễu tướng linh thông. Hàng càn tuệ (tuệ khô) biện luận mỗi miệng, bậc đại trí thấu suốt bản thể tâm an vui. Bồ-tát chạm vật soi tỏ, Thanh văn sợ cảnh làm mờ tâm. Người ngộ hằng ngày được vô sanh, người mê hiện tiền cách xa Phật.

*

Có người hỏi :

- Thế nào được thần thông ?

Sư đáp :

- Thần tánh linh thông khắp giáp thế giới như cát bụi núi sông đá vách qua lại không ngại, trong sát-na đi muôn dặm, qua lại không dấu vết, lửa không thể đốt, nước không thể chìm. Người ngu tự không tâm trí muốn thân tứ đại này được bay trong hư không. Kinh nói : “Phàm phu chấp tướng tùy nghi vì họ nói : Tâm không hình tướng tức là sắc thân vi diệu; không tướng tức là tướng thật, tướng thật thì thể nó không, gọi là thân hư không vô biên, muôn hạnh trang nghiêm nên gọi là Pháp

thân công đức”. Chính Pháp thân này là gốc của muôn hạnh, tùy công dụng đặt tên, nói thật chỉ có Pháp thân thanh tịnh.

*

Có người hỏi :

- Kẻ nhất tâm tu hành thì nghiệp chướng đời quá khứ được tiêu diệt chăng ?

Sư đáp :

- Người không thấy tánh chưa được tiêu diệt. Nếu người thấy tánh như mặt trời giọi sương tuyết. Lại người thấy tánh, ví như gom cỏ bằng ngọn núi Tu Di chỉ dùng một đóm lửa là cháy rụi. Nghiệp chướng như cỏ, trí tuệ như lửa.

- Thế nào biết được nghiệp chướng hết ?

- Hiện tiền tâm thông thì việc sanh trước sau đều thông. Ví như nhìn thấy Phật trước Phật sau, muôn pháp đồng thời. Kinh nói : “Một niệm biết tất cả pháp là đạo tràng vì thành tựu Nhất thiết trí”.

*

Có vị cư sĩ hỏi :

- Thế nào được trụ chánh pháp ?

Sư đáp :

- Cầu trụ chánh pháp là tà. Vì có sao ? Vì pháp không có tà chánh.

- Làm sao được thành Phật ?

- Chẳng cần bỏ tâm chúng sanh, cốt đừng ô nhiễm tánh mình. Kinh nói : “Tâm, Phật và chúng sanh cả ba đều không sai biệt”.

- Nếu hiểu như thế được giải thoát chăng ?

- Vốn tự không phược (trói buộc) chẳng cần cầu giải. Pháp vượt ngoài ngôn ngữ văn tự, chẳng dùng trong câu số mà câu; pháp chẳng phải quá khứ hiện tại vị lai, không thể do trong nhân quả mà khế hội; pháp vượt tất cả, không thể so sánh; pháp thân không hình tượng, ứng vật hiện hình, chẳng rời thế gian mà cầu giải thoát.

*

Có vị tăng hỏi :

- Cái gì là Bát-nhã ?

Sư bảo :

- Người nghi cái gì không phải Bát-nhã, thử nói xem ?

- Thế nào được thấy tánh ?

- Thấy tức là tánh, không tánh thì không thể thấy.

- Thế nào là tu hành ?

- Cốt đừng ô nhiễm tự tánh tức là tu hành, chớ tự lừa dối là tu hành, đại dụng hiện tiền tức là Pháp thân Vô đẳng đẳng (Phật).

- Trong tánh có ác chẳng ?

- Trong đây thiện còn chẳng lập.

- Thiện ác đều chẳng lập, đem tâm dùng vào chỗ nào ?

- Đem tâm dùng tâm là đại điên đảo.

- Làm thế nào mới phải ?

- Không làm thế nào, cũng không phải.

*

Có người hỏi :

- Có người chèo thuyền, lườn thuyền cọ chết con ốc con hến, là người chịu tội hay thuyền chịu tội ?

Sư đáp :

- Người thuyền cả hai đều không tâm, tội chính tại ông. Ví như cuồng phong thổi gãy cây hại mạng, mà không có người làm, không có người chịu, nhưng trong thế giới đâu không phải là chỗ chúng sanh chịu khổ.

*

Có vị tăng hỏi :

- Chưa biết “thế thác tình” (gởi tình), “thế chỉ cảnh”, “thế nói nín”, cho đến “thế nương mày chớp mắt” v.v..., làm sao được thông hội ở trong khoảng một niệm ?

Sư đáp :

- Không có việc ngoài tánh. Người dụng diệu thì động yên đều diệu. Người tâm chân thì nói nín thấy chân. Người hội đạo thì đi đứng ngồi nằm đều là đạo. Vì mê tự tánh nên muôn lầm phát sanh.

- Thế nào là pháp có tông chỉ ?

- Tùy chỗ kia lập liền có các nghĩa. Ngài Văn Thù nơi gốc vô trụ lập tất cả pháp.

- Chẳng đồng thái hư chẳng ?

- Người sợ đồng thái hư chẳng ?

- Sợ.

- Cái biết sợ là chẳng đồng thái hư.

- Chỗ nói không thể đến, làm sao được hiểu ?

- Nay chính khi người nói, nghi chỗ nào chẳng đến.

*

Có hơn mười vị Túc đức đồng đến hỏi :

- Kinh nói : “Phá diệt Phật pháp”, chưa biết Phật pháp có thể phá diệt chẳng ?

Sư đáp :

- Phạm phu ngoại đạo bảo Phật pháp có thể phá diệt, người Nhị thừa bảo Phật pháp không thể phá diệt, trong chánh pháp của tôi không có hai cái thấy này. Nếu luận về chánh pháp chẳng những phạm phu ngoại đạo, cho đến hàng Nhị thừa chưa đến vị Phật cũng là người ác.

- Pháp chân, pháp huyền, pháp không, pháp chẳng không mỗi thứ có chủng tánh chẳng ?

- Pháp tuy không có chủng tánh, ứng vật đều hiện. Tâm huyền nên tất cả pháp đều huyền, nếu có một pháp chẳng huyền thì huyền ấy có định. Tâm không, nên tất cả đều không, nếu có một pháp chẳng không thì nghĩa không chẳng lập. Khi mê thì người theo pháp, lúc ngộ thì pháp do người. Như sum la vạn tượng đến không là tốt, trăm sông các dòng đến biển là tốt. Tất cả Hiền Thánh đến Phật là tốt. Mười hai phần kinh, năm bộ Tỳ-ni (luật), năm Vi-đà luận (luận) đến tâm là tốt.

Tâm là gốc diệu của tổng trì, là nguồn lớn của muôn pháp, cũng gọi là kho đại trí tuệ, vô trụ Niết-bàn, trăm ngàn muôn tên thầy là tên khác của tâm mà thôi.

- Thế nào là huyễn ?

- Huyền không có tướng nhất định, như vòng lửa quay, như thành Càn-thát-bà, như người gỗ bằng máy, như sóng nắng, như hoa giữa hư không, đều không có pháp thật.

- Sao gọi là thầy đại huyễn ?

- Tâm gọi là thầy đại huyễn. Thân là thành đại huyễn. Danh tướng là đồ ăn mặc của đại huyễn. Thế giới nhiều như cát bụi không có việc gì ngoài huyễn. Phàm phu chẳng biết huyễn, nơi nơi mê nghiệp huyễn. Thanh văn sợ cảnh huyễn, mờ tâm vào tịch diệt. Bồ-tát biết pháp huyễn, đạt thể huyễn, chẳng câu nệ tất cả danh tướng. Phật là thầy đại huyễn, xoay bánh xe pháp đại huyễn, thành Niết-bàn đại huyễn, chuyển sanh diệt huyễn, được chẳng sanh chẳng diệt, chuyển cõi ô uế như cát bụi thành pháp giới thanh tịnh.

*

Có vị tăng hỏi :

- Tại sao chẳng chịu tụng kinh, mà gọi là “khách ngữ” (kẻ học nói) ?

Sư đáp :

- Như chim Anh Võ chỉ học tiếng người mà không hiểu ý người. Kinh là truyền ý Phật, chẳng nhận được ý Phật mà chỉ tụng, ấy là người học ngữ. Do đó nên chẳng chịu tụng kinh.

- Không thể lìa văn tự ngôn ngữ mà riêng có ý ?

- Người nói như thế cũng là học ngữ.

- Đồng là ngôn ngữ sao Thầy chẳng nhận lời tôi ?

- Người hãy lắng nghe, trong kinh có đoạn văn rất rõ ràng “Ta nói ra là nghĩa ngữ mà chẳng phải văn, chúng sanh nói ra là văn ngữ mà chẳng phải nghĩa, người được ý vượt ngoài lời, người ngộ lý vượt ngoài văn tự, pháp vượt ngôn ngữ văn tự, đâu thể nhằm trên câu văn mà cầu”. Thế nên, người phát Bồ-đề thì được ý quên lời, ngộ lý mà lờ kinh, cũng như được cá quên nôm, được thỏ bỏ bẫy.

*

Có Pháp sư hỏi :

- Niệm Phật là “hữu tướng Đại thừa”, ý Thiên sư thế nào ?

Sư đáp :

- Vô tướng vẫn chẳng phải Đại thừa, huống là hữu tướng. Kinh nói : “Phàm phu chấp tướng” tùy nghi vì họ nói.

- Nguyên sanh Tịnh độ, chưa biết thật có Tịnh độ chăng ?

- Kinh nói : “Muốn được Tịnh độ phải tịnh tâm kia, tùy tâm kia tịnh tức Phật độ tịnh”. Nếu tâm thanh tịnh thì chính chỗ ở hiện giờ là Tịnh độ. Ví như sanh trong nhà Quốc vương, nhất định nối nghiệp Quốc vương. Phát tâm hướng Phật đạo là sanh nơi cõi Phật tịnh. Tâm kia nếu chẳng tịnh thì chính chỗ ở hiện giờ là uế độ. Tịnh và uế độ là tại tâm chẳng phải tại cõi nước.

- Mỗi ngày nghe nói đạo, chưa biết người nào hay thấy ?

- Người có tuệ nhãn hay thấy.

- Rất thích Đại thừa làm sao học được ?

- Ngộ là được, chẳng ngộ là chẳng được.

- Làm sao được ngộ ?

- Phải quán kỹ.

- Giống vật gì ?

- Giống không vật.

- Thế nào là rốt ráo Không ?

- Không chẳng rốt ráo.

- Thế nào là Hữu ?

- Hữu mà không tướng.

- Chẳng ngộ làm sao ?

- Đại đức tự chẳng ngộ, chẳng phải tại người làm chướng ngại.

- Phật pháp ở nơi ba mé (trong ngoài giữa) chăng ?

- Thấy tại vô tướng chẳng ở ngoài nơi ấy, ứng dụng không cùng, chẳng ở tại trong, chẳng giữa không có chỗ trụ, ba mé không thể được.

- Câu đáp này rất hỗn tạp.
- Chính khi Thầy nói hai chữ “hỗn tạp” là ở trong ở ngoài chăng ?
- Đệ tử xét nghiệm trong ngoài không dấu vết.
- Nếu không dấu vết thì biết rõ lời nói từ trước đến giờ không có hỗn tạp.
- Thế nào được làm Phật ?
- Tâm ấy là Phật, tâm ấy làm Phật.
- Chúng sanh vào địa ngục, Phật tánh có vào chăng ?
- Như hiện nay chính khi làm ác lại có lành chăng ?
- Không.
- Chúng sanh vào địa ngục, Phật tánh cũng như thế.
- Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh là thế nào ?
- Tạo dựng Phật là tánh Phật, tạo dựng kẻ cướp là tánh cướp, tạo dựng chúng sanh là tánh chúng sanh. Tánh không hình tướng, tùy dựng đặt tên. Kinh nói : “Tất cả Hiền Thánh đều do pháp vô vi mà có sai biệt” (kinh Kim Cang).

*

Có vị tăng hỏi :

- Thế nào là Phật ?

Sư đáp :

- Rời ngoài tâm thì không có Phật.
- Thế nào là Pháp thân ?
- Tâm là Pháp thân, nghĩa là hay sanh muôn pháp nên gọi là Pháp giới thân.

Luận Khởi Tín nói : “Nói là pháp đó, nghĩa là tâm chúng sanh, tức y tâm này hiển bày nghĩa Đại thừa”.

- Thế nào là nói có quyền kinh lớn trong hạt bụi nhỏ?
- Trí tuệ là quyền kinh lớn. Kinh nói : “Có quyền kinh lớn lượng bằng thế giới tam thiên đại thiên, ở trong một hạt bụi nhỏ”. Một hạt bụi là một niệm tâm trần vậy. Cho nên nói “trong một niệm trần nói ra hà sa bài kệ, người đời tự chẳng biết”.

- Sao gọi là thành đại nghĩa ? Sao gọi là vua đại nghĩa?

- Thân là thành đại nghĩa. Tâm là vua đại nghĩa. Kinh nói : “Người đa văn giỏi về nghĩa, mà chẳng giỏi về nói năng, nói năng là sanh diệt, nghĩa chẳng sanh diệt, nghĩa không hình tướng, ngoài lời nói năng. Tâm là quyền kinh lớn, tâm là vua nghĩa lớn. Nếu người chẳng biết tâm rành rõ thì không gọi là giỏi nghĩa, chỉ là người học ngữ.

- Kinh Bát-nhã nói : “Độ chín loài chúng sanh đều vào Vô dư Niết-bàn”, lại nói “thật không chúng sanh được diệt độ”, hai đoạn văn kinh này làm sao thông hội ? Người xưa và người nay đều nói “thật độ chúng sanh mà không chấp tướng chúng sanh”. Tôi vẫn còn nghi, thỉnh thầy vì tôi giải nghi.

- Chín loài chúng sanh trong một thân đầy đủ, tùy tạo nghiệp tùy thành quả. Vô minh là noãn sanh (sanh bằng trứng), phiền não bao bọc ở trong là thai sanh (sanh bằng bào thai), nước ái đượm nhuần là thấp sanh (sanh chỗ ẩm ướt), chột khởi phiền não là hóa sanh (từ loài này hóa sanh loài khác). Ngộ liền là Phật, mê gọi là chúng sanh. Bồ-tát chỉ dùng tâm niệm niệm làm chúng sanh. Nếu thấu rõ niệm niệm nơi tâm, thể nó đều không, gọi là độ chúng sanh. Người trí căn cứ trên bản tế (tâm) của mình mà độ. Lúc chưa thành hình, chưa thành hình đã không, thì biết thật không chúng sanh được diệt độ.

Có vị tăng hỏi :

- Ngôn ngữ là tâm chăng ?

Sư đáp :

- Ngôn ngữ là duyên chẳng phải tâm.

- Lìa duyên cái gì là tâm ?

- Lìa ngôn ngữ không tâm.

- Lìa ngôn ngữ đã không tâm, vậy cái gì là tâm ?

- Tâm không hình tướng, chẳng lìa ngôn ngữ, chẳng phải chẳng lìa ngôn ngữ, tâm thường lặng lẽ, ứng dụng tự tại. Tổ sư nói : “Nếu thấu rõ tâm phi tâm, mới hiểu tâm tâm pháp”.

*

Có vị tăng hỏi :

- Thế nào là định tuệ đồng học ?

Sư đáp :

- Định là thể, tuệ là dụng, từ định khởi tuệ, từ tuệ về định, như nước với sóng, một thể lại không có trước sau, gọi là định tuệ đồng học. Phàm kẻ xuất gia chớ tìm lời theo câu, đi đứng ngồi nằm đều là tánh dụng của người, thì có chỗ nào cùng đạo không tương ưng? Hãy tự nhất thời thôi dứt đi, nếu chẳng theo gió ngoại cảnh thì nước tánh thường tự lặng lẽ.

Vô sự, trân trọng !

